ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

TÒA THÁNH TÂY NINH

ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT
TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI

Tùng Thiên–Từ Bạch Hạc

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2017

hai•không•một•bảy

Ebook được làm theo Ấn-Bản phổ biến trên Website của **daocaodai.info**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gởi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **Soạn Giả Tùng Thiên Từ Bạch Hạc**, **Ban Phụ Trách Phổ Biến Kinh Sách Website daocaodai.info** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngỏ hầu **Giáo-Lý Đại-Đạo** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 19/04/2017

Tầm Nguyên

ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT
TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI

Tùng Thiên – Từ Bạch Hạc

MỤC LỤC

CHƯƠNG MỘT

ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT TRONG PHẬT GIÁO 9

- Tiết 1. Các Tiền Thân Và Hóa Thân Của Địa Tạng Vương Bồ Tát 11
- Tiết 2. Kinh Địa Tạng Bản Nguyện 14

CHƯƠNG HAI

ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI 19

- Tiết I. Kinh Cầu Siêu 21
  - I.-Kinh Văn: 21
  - II. Ý Nghĩa: 22
- Phật Tổ 24
- A-Di-Đà Phật 24
- Địa Tạng Vương Bồ Tát 25
- Quán Thế Âm Bồ Tát 26
- Thập Điện Từ Vương 26
- Tiết 2. Kinh Đưa Linh Cữu. 30
  - I.-Kinh Văn: 30
  - II.-Nguồn Gốc: 31
  - III.-Chú Giải: 31

CHƯƠNG BA

ĐỊA NGỤC, CÕI ÂM QUANG, U MINH ĐỊA GIỚI 35

- Tiết 1: Địa Ngục Theo Truyền Thuyết Dân Gian 35
  - Vọng Hương đài. 35

- Canh Mạnh Bà 35
- Cầu Nại Hà 36

- Tiết 2. Địa Ngục Theo Ấn Độ Giáo 38
- Tiết 3. Địa Ngục Theo Phật Giáo 39
- Tiết 4. Địa Ngục Theo Thiên Chúa Giáo 43
- Tiết 5. Địa Ngục Trong Hồi Giáo 46
- Tiết 6. Địa Ngục Trong Cao Đài Giáo 47

CHƯƠNG BỐN

VAI TRÒ CỦA THẤT NƯƠNG DIÊU TRÌ CUNG NƠI CÕI ÂM QUANG .. 51

- Tiết 1. Dùng Chữ "Âm Quang" Thay "Địa Ngục" 53
- Tiết 2. Sự Khác Biệt Giữa Cảnh Thăng & Cảnh Đọa 57
- Tiết 3. Khái Niệm Về Địa Ngục Có Liên Quan Đến Bài Kinh Sám Hối 60

KẾT LUẬN 65

PHỤ LỤC:

TRÍCH ĐOẠN KINH SÁM HỐI 69

Tòa-Thánh Tây-Ninh

CHƯƠNG MỘT
ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT TRONG PHẬT GIÁO

Hình: *Đức Địa Tạng Vương ở Nhật, và trong tôn tượng tay trái cầm Châu Như Ý, tay phải cầm Tích Trượng, đứng trên tòa sen hoặc ngồi tòa sen trên mình* ***Đế Thính*** *(một giống chó trắng đặc biệt, nghe được tiếng người).*

Địa Tạng, **Địa Tạng Vương** (skt. क्षितिगर्भ,

Kṣitigarbha; tiếng Trung: 地藏; bính âm: *Dìzàng*; Wade–Giles: Ti-tsang; jap. 地蔵, *Jizō*; Tibet ས་ཡི་སྙིང་པོ, *sa'i snying po*, Korea: 지장, 지장보살, *ji jang*, *ji jang bosal*) là một vị Bồ-tát được tôn thờ trong Phật giáo Châu Á. Địa Tạng Bồ-tát được biết đến bởi lời nguyện cứu độ tất cả chúng sinh trong lục đạo luân hồi vào thời kỳ sau khi Phật Thích-ca Mâu-ni nhập Niết-bàn **cho đến khi Bồ-tát Di Lặc hạ sanh**, và nguyện không chứng Phật quả nếu địa ngục chưa trống rỗng. Do đó, Đức Địa Tạng thường được xem như là vị Bồ-tát của chúng sanh dưới địa ngục hay là giáo chủ của cõi U Minh.

Trong văn hóa Nhật Bản, Địa Tạng là Bồ-tát hộ mệnh cho trẻ em, cũng như bảo vệ các vong linh của trẻ em hoặc bào thai chết yểu. Địa Tạng thường được mô tả là một tì-khưu trọc đầu với vầng hào quang, một tay cầm tích trượng để mở cửa địa ngục, tay kia cầm ngọc Như Ý tượng trưng cho ánh sáng xua tan bóng đêm.

Địa Tạng Vương Bồ tát là một trong 6 vị Bồ tát quan trọng của Phật giáo Đại thừa. Năm vị còn lại là các Quán Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Phổ Hiền Bồ tát và Di Lặc Bồ tát. Tiếng Trung Hoa gọi tên Ngài đầy đủ là "U MINH GIÁO CHỦ ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT."

Ngài giáo hóa cho chúng sinh đang sống trong lục đạo biết nhẫn nhịn, an nhiên bất động như đất lớn (đại địa), tĩnh lặng mà sâu kín như tàng chứa những điều bí mật, nên gọi là Địa Tạng.

TIẾT 1. CÁC TIỀN THÂN VÀ HÓA THÂN CỦA ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT

STT	Tiền thân – Hóa thân	Đại Nguyện
1	Vị Trưởng Giả	Từ nay tới tận đời vị lai, tôi vì những chúng sinh tội khổ trong sáu đạo mà giảng bày nhiều phương tiện làm cho chúng sinh giải thoát hết cả, rồi tự thân tôi mới chứng thành Phật quả. Được sự chỉ dạy của **Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai.**
2	Người nữ dòng Bà La Môn nhiều phúc đức uy lực nhưng có mẹ không tin nhân quả	Tôi nguyện từ nay nhẫn đến đời vị lai những chúng sinh mắc phải tội khổ, thì tôi lập nhiều phương chước làm cho chúng đó đều được giải thoát. **Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai** độ thoát cho mẹ nên cô đã phát nguyện trước Phật
3	Vị Vua Từ bi thương dân	Như Tôi chẳng độ những kẻ tội khổ được an vi đắc quả Bồ Đề, thời Tôi nguyện chưa chịu thành Phật. Thủa đức **Nhất Thiết Trí Thành Tựu Như Lai**
4	Thiếu nữ Quang Mục	Từ nay đến về sau trăm nghìn muôn ức kiếp, trong những thế giới nào mà chúng sinh chịu tội khổ nơi địa ngục cùng ba đường ác đạo, Tôi nguyện cứu vớt chúng sinh đó làm cho tất cả đều thoát khỏi chốn Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh... những kẻ mặc tội báo như vậy thành Phật cả rồi, sau Tôi mới thành bậc Chính Giác. Thời đức **Liên Hoa Mục Như Lai**
5	Hoàng Tử Kim Kiều Giác (Kim Kyo Gak) Hoàng Tử nước Silla (Korea), sinh năm 696	xuất gia tu Phật, rồi vân du sang Trung Quốc, tại núi Cửu Hoa, hóa hiện thần lực nhiếp độ quần sanh. Từ đó về sau, Cửu Hoa Sơn trở thành đạo tràng của Bồ tát Địa Tạng.

Có nhiều sự tích về Ngài, nhưng hai ấn bản về thân

thế được lưu truyền nhất về Ngài phải kể đến là Đức Địa Tạng sinh ra trong một gia đình vốn thuộc dòng dõi Bà-La-Môn, tên là Kolita Moggallàna hay còn gọi là Mục Kiền Liên. Ngài là người có đức, có tâm nhưng bà Thanh Đề mẹ của Ngài lại mang nhiều sát nghiệp.

Bà Thanh Đề chết đi, bị đày xuống Vô gián địa ngục, phải chịu sự trừng phạt đau đớn, không thể siêu thoát. Mục Kiền Liên thương mẹ, thiền định niệm Phật nhiều ngày. Đức Phật cảm động nói với Ngài vào ngày Rằm tháng Bảy, hãy cùng chư tăng tổ chức một buổi lễ để cầu nguyện và hộ niệm cho cửu huyền thất tổ và mẹ Ngài. Mục Kiều Liên làm theo; cuối cùng bà Thanh Đề cũng được giải thoát... (Trích trong quyển Thập Đại Đệ Tử).

Đây cũng chính là điển tích nói về lễ Vu Lan (Xá tội vong nhân) vào ngày Rằm tháng 7 Âm lịch hàng năm, là ngày những người con nhớ ơn công lao sinh dưỡng và tình yêu thương của mẹ.

Biết được có nhiều người cũng sa chân vào chốn lầm than, Ngài đã đến trước Đức Phật nói rằng Ngài nguyện xuống địa ngục, cứu vớt chúng sinh. Bao giờ địa ngục hết chúng sinh lầm than, Ngài mới xin thành Phật.

"Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật,
Chúng sinh độ tận, phương chứng Bồ-đề".

Đến đầu thế kỷ thứ VIII, nhân gian truyền nhau rằng: Bồ tát Địa Tạng thị hiện thành Thái tử Triều Tiên tục danh Kim Kiều Giác (Kim Kyo-gak), xuất gia tu Phật, rồi vân du sang Trung Quốc, tại núi Cửu Hoa, hóa hiện thần lực nhiếp độ quần sanh. Và từ đó về sau, Cửu Hoa Sơn trở thành đạo tràng của Bồ tát Địa Tạng. Từ khi Bồ

tát Địa Tạng ứng hiện tại Cửu Hoa Sơn, niềm tin về sự cứu độ của Ngài trong lòng Phật tử ngày càng sâu rộng. Khách từ phương xa hành hương đến, chiêm bái và cầu nguyện tại Cửu Hoa Sơn ngày càng đông. Cửu Hoa Sơn hưng thịnh nhất vào đầu và giữa triều đại nhà Thanh và suy giảm từ cuối nhà Thanh trở về sau... Ngày nay, dù không còn hưng thịnh như xưa, nhưng Cửu Hoa Sơn vẫn là một trong Tứ đại Danh Sơn linh thiêng bậc nhất của Phật Giáo Trung Hoa, và là điểm thu hút du khách cả nước và du khách Quốc tế.

Vì tôn thờ Bồ tát Địa Tạng là vị Bồ tát bảo vệ trẻ em, nên phần lớn tranh tượng của Ngài thường biểu hiện giống và liên quan đến trẻ thơ. Có tranh tượng, khuôn mặt Ngài trông giống trẻ em, rất ngây thơ, hồn nhiên. Có tranh tượng, trên tay Ngài bồng một em bé, dưới chân lại có vài ba em bé khác đang níu kéo Tăng bào và thiền trượng của Ngài. Hằng năm, người dân Nhật Bản thường tổ chức lễ tưởng nhớ công ơn của Ngài dành cho trẻ thơ vào ngày 24 tháng 7 AL. Ngày nay, tín ngưỡng Bồ-tát Địa Tạng đã trở thành tín ngưỡng chung của Phật giáo và dân gian. Và sau Lễ Vu Lan rằm tháng 7 AL thì các Chùa thường khai kinh Địa Tạng tụng cho đến ngày cúng **vía Ngài vào cuối tháng 7 Âl (tức ngày 30)**.

Ngài có lời đại nguyện rằng: **Nếu Ngài chưa độ hết chúng sanh, thì Ngài không chứng quả Bồ Đề, và nếu sự thọ khổ trong địa ngục hãy còn, thì Ngài thề không chịu thành Phật**. Do cái bổn nguyện ấy, nên Ngài phân thân nhiều phen, đặng độ thoát hằng hà sa số chúng sanh đương tội khổ, trải đã không biết bao nhiêu kiếp rồi, mà Ngài cũng còn làm một vị Bồ Tát.

"Trong thời gian từ sau khi đức Thích Ca nhập Niết bàn cho đến ngày trước khi đức Phật Di Lặc ra đời, Bồ tát Địa Tạng là người cứu khổ cứu nạn cho chúng sinh".

Nếu đúng theo lời dạy trên, chúng ta có thể suy ra rằng: sau khi **Đức Phật Di Lặc (Đức Christ) giáng sinh, Đức Địa Tạng sẽ an tâm ngự ở Phật vị.**

TIẾT 2. KINH ĐỊA TẠNG BẢN NGUYỆN

Kinh này chép nhiều chuyện như nói Ngài thường hiện ra người nhi nữ để cứu cho cha mẹ thoát khỏi nơi địa ngục mà sinh về cõi Cực lạc. Trong kinh có chỗ nói rõ: Khi người ta chết rồi, cứ 7 ngày vong nhân bị một lần xét hỏi về cái nghiệp quả của mình, đến ngày thứ 49 là ngày bảy lần bảy, thì định xong.

Ai có cái nghiệp thế nào phải chịu như thế. Kinh ấy, lại tả rất tường tận các thứ địa ngục ở âm phủ. Người ta căn cứ theo đó mà vẽ ra các tranh Thập điện Diêm vương để nhắc nhở những kẻ gian ác. Trong Hiếu kinh của Phật giáo, đức Phật thuyết giảng về công hạnh tối thắngcủa Địa Tạng Bồ-tát qua những tiền kiếp của Ngài, đặc biệt là hiếu hạnh và sự độ sanh của Ngài. Đức Phật từng dạy: "***Tất cả chúng sanh là cha mẹ ta trong quá khứ và là chư Phật ở vị lai***".

Nếu như danh hiệu Quán Thế Âm tiêu biểu cho đức tính TỪ BI thì danh hiệu Địa Tạng tiêu biểu cho hạnh NHẪN NHỤC. Vì Địa là đất, cho dù chúng ta đổ nước dơ (bẩn) hay sạch sẽ thì đất vẫn hấp thụ, không một lời khen chê, oán trách, giận hờn. Ngược lại với tấm lòng bao dung rộng lớn của mình, đất còn là nơi dung chứa

sự sinh sống, phát triển của các động vật, thực vật. Địa còn có nghĩa là Tâm (tâm tánh). Trong cuộc sống hằng ngày, khi chúng ta đối người, đối sự, đối vật phải có tâm nhẫn nhục giống như đất, không bị những tiếng khen-chê, được-mất, hơn-thua, đúng-sai, phải-trái, v. v... làm động tâm. Được như thế thì mọi công đức, phước đức cũng đều từ Tâm này mà sinh ra.

Kinh Địa Tạng Bổn Nguyện là một bộ kinh nói về công đức, oai lực của Bồ Tát Địa Tạng thường được các chùa theo Đại Thừa khai tụng trong suốt tháng bảy, đặc biệt là vào dịp lễ Vu Lan, tức là mùa báo hiếu cha mẹ, tổ tiên. Kinh Địa Tạng Bổn Nguyện do Đức Phật Thích Ca diễn nói tại cung trời Đao Lợi, tức là từng trời thứ hai trong sáu từng trời của cõi Dục giới nơi mà thân mẫu của Đức Phật đã thác sanh sau khi hạ sanh Đức Phật được 7 ngày. Trước khi nhập Niết Bàn, vì cảm ơn đức sanh thành, Đức Phật đã diễn nói kinh Địa Tạng tại pháp hội ở cung trời này. Trong pháp hội này Ngài vì thân mẫu mà thuyết pháp nhưng động cơ chính vẫn là lòng từ bi lân mẫn đối với chúng sanh ở cõi ta bà, đặc biệt đối với những chúng sanh ngỗ nghịch đầy tội lỗi, khó khai hóa mà Ngài biết chắc chắn là sẽ "*bị đọa vào đường dữ chịu nhiều sự thống khổ*".

Vì thế trong pháp hội này, Ngài đã phó chúc cho Bồ Tát Địa Tạng nhiệm vụ:

«*Gắng độ chúng sanh trong cõi Ta bà đến lúc Phật Di Lặc ra đời, đều đặng giải thoát, khỏi hẳn các điều khổ, gặp Phật, được Đức Phật thọ ký*».

■ *(Quyển Thượng – Phẩm Thứ Hai: Phân Thân Tập Hội).*

Đức Phật cũng cho biết những công việc cần làm của thân nhân trong suốt 49 ngày khi linh hồn người chết đang còn vất vưởng, luôn trông ngóng thân quyến cốt nhục tu tạo phước đức làm hành trang, vốn liếng cho họ được nhẹ bước siêu linh.

Một vấn nạn mà các triết gia Đông Tây thường nêu ra để tìm lời giải đáp là sau khi chết **thần thức, tức linh hồn của con người** sẽ đi về đâu? Niết bàn hay địa ngục?

Trong kinh Địa Tạng Bổn Nguyện, Đức Phật đã trả lời cho ta biết là có địa ngục và có sự trừng phạt. Ngài chỉ rõ rằng những người sinh ra trong đời này hoặc mang kiếp nghèo hèn, hoặc gia đình quyến thuộc kình chống nhau, hoặc thân hình xấu xí tàn tật, đui, điếc, câm ngọng, điên cuồng mất trí, chết yểu... đều là những chúng sanh đã tạo ác nghiệp từ thân khẩu ý từ những kiếp trước, sau khi chịu qủa báo ở đời này, nếu không tu tập, họ sẽ còn tiếp tục bị **"đọa vào địa ngục trải qua nhiều kiếp không lúc nào thoát khỏi"**.

Địa ngục là gì? Trả lời Bồ Tát Phổ Hiền, Ngài Địa Tạng nêu rõ : "*Đó là do chúng sanh trong cõi Diêm-Phù-Đề làm những điều ác mà tùy nghiệp chiêu cảm ra những địa ngục như thế*" (Quyển Thượng – Phẩm Thứ Năm: Danh Hiệu của Địa Ngục).

Thiết tưởng câu trả lời trên đây đã diễn tả đầy đủ ý nghĩa về địa ngục. Địa ngục hiện hữu là do nghiệp của mỗi chúng sanh mà CẢM ra. Có lẽ phải cần một cuốn sách hay nhiều cuốn sách mới giải thích một cách đầy đủ quan niệm «*tùy nghiệp chiêu cảm*», tuy nhiên để có thể hình dung một cách cụ thể thì nếu ta gây nghiệp ác, linh hồn ta sẽ không ngớt bị dày vò, chịu trừng phạt đau đớn

sau khi chết giống như ta đang sống trải qua nhiều cơn ác mộng.

CHƯƠNG HAI
ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI

Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát thường được các tín đồ CAO ĐÀI cầu nguyện với trong những buổi lễ cầu siêu cho người vừa mất, và khi đưa linh cữu đi hạ huyệt. Các bài kinh đọc từ khi một người hấp hối, dứt hơi, liệm, Cầu siêu, đưa hạ huyệt. v. v. được gọi chung là KINH TẬN ĐỘ VONG LINH.

Đức Thượng Đế đã nhiều phen lập ra các nền tôn giáo để đem Đạo dạy Đời, cứu nhơn loại thoát vòng luân hồi biển khổ. Nay, đến thời hạ ngươn mạt Pháp, một lần nữa, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu cơ bút khai sáng ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ, lập nền chánh pháp Cao Đài, có tôn chỉ qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, tức là nhìn nhận các Tôn giáo từ một nguồn gốc mà sinh ra: Đó là Đấng Thượng Đế. Sau lễ Khai Đạo, Hội Thánh được Ơn Trên dạy thỉnh Kinh nơi các chi Minh Sư, Minh Lý về tụng niệm.

Điều này, chính Hội Thánh đã nói rõ trong lời tựa Kinh Thiên, Thế Đạo như sau:

"*Từ khi mở Đạo, Chí Tôn duy giáng cơ truyền cho Phật giáo, Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý dạy dâng Kinh cho Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, song* ***Kinh Tận Độ vong linh*** *chưa hề giáng cơ cho nơi nào tất cả.*

Đức Quyền Giáo Tông (khi còn tại thế) và Đức Hộ Pháp, trót mười năm trường nghĩa là từ ngày mở Đạo, đã

nhiều phen dâng sớ cho Đại Từ Phụ và các Đấng Thiêng Liêng đặng xin Kinh Tận Độ, nhưng mà Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật vẫn chưa định ban ân cho toàn sanh chúng.

*Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới mùng 4 tháng 8 Ất Hợi (**Dl 21 đến 31–8–1935**) mới giáng cho Tân Kinh. Ấy là một giọt nước Cam Lộ của Đức Từ Bi rưới chan đặng gội nhuần cho các đẳng linh hồn của toàn Thế giới.*

Chúng ta thẩm xét thì đủ hiểu rằng: Đã trải qua mười năm, Chí Tôn mới mở cơ tận độ. Cơ tận độ nhơn sanh duy kể từ ngày ban Tân Kinh này mà thôi".

Kinh Tận Độ gồm các bài Kinh sau đây:

- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.
- Kinh Khi Đã Chết Rồi.
- Kinh Tẫn Liệm.
- Kinh Cầu Siêu.
- Kinh Đưa Linh Cữu.
- Kinh Hạ Huyệt.
- Kinh Khai Cửu.
- Kinh Đệ Nhứt Cửu.
- Kinh Đệ Nhị Cửu.
- Kinh Đệ Tam Cửu.
- Kinh Đệ Tứ Cửu.
- Kinh Đệ Ngũ Cửu.
- Kinh Đệ Lục Cửu.
- Kinh Đệ Thất Cửu.
- Kinh Đệ Bát Cửu.
- Kinh Đệ Cửu Cửu.

- Kinh Tiểu Tường.
- Kinh Đại Tường.
- Di Lặc Chơn Kinh.(*)
- Vãng Sanh Thần Chú (thỉnh bên Phật giáo).

Đó là những bài Kinh tận độ vong linh. Ngoài ra, còn có hai bài Kinh độ rỗi khi chúng ta còn sống: đó là Kinh Tắm Thánh và Kinh Giải oan.

TIẾT I. KINH CẦU SIÊU

I.-KINH VĂN:

Đầu vọng bái Tây Phương Phật Tổ,
A Di Đà Phật độ chúng dân,
Quan Thế Âm lân mẫn ân cần,
Vớt lê thứ khổ trần đọa lạc,
Đại Thánh Địa Tạng Vương Bồ Tát.
Bố từ bi tế bạt vong hồn,
Cứu khổ nàn Thái Ất Thiên Tôn.
Miễn Âm cảnh ngục môn khai giải,
Ơn Đông Nhạc Đế Quân quảng đại.
Độ kẻ lành chế cải tai ương.
Chốn Dạ đài Thập Điện Từ Vương,
Thấy hình khổ lòng thương thảm thiết.
Giảm hình phạt bớt đường ly[1](luy) tiết.

[1] Hầu hết những quyển Kinh: "Kinh Lễ" hay Kinh "Thiên Đạo và Thế Đạo" của Hội Thánh in bằng chữ Quốc ngữ, từ trước đến nay đều viết "Ly tiết". Đây có thể là trường hợp đọc âm của từ Hán sai. Thực ra, phải viết là Luy tiết mới đúng (Phát âm theo Hán Việt Tự Điển, Thiều Chửu và Hán Việt Từ Điển, Đào Duy Anh).

Xá linh quang tiêu diệt tiền khiên,
Đặng nhẹ nhàng thẳng đến cung Tiên.
Nơi phước địa ở yên tu luyện,
Xin Trời Phật chứng lòng sở nguyện,
Hộ thương sanh u hiển khương ninh.

II. Ý NGHĨA:

Kinh Cầu Siêu là bài Kinh tụng đọc cho các Chơn linh mới chết hay các tuần Cầu Siêu bạt tiến trong đạo Cao Đài để cầu xin ĐỨC CHÍ TÔN, ĐỨC PHẬT MẪU, ĐỨCĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT, THẤT NƯƠNG DIÊU TRÌ CUNG ân xá cho vong hồn người chết được siêu thăng.

Khi Cầu siêu, những người thân trong tang quyến (con cháu) và thân bằng quyến thuộc phải tập trung tư tưởng để thành tâm cầu nguyện cho linh hồn người chết.

Trong quyển "*Thiên Đạo*", hai tác giả Nguyễn Trung Hậu và Phan Trường Mạnh có nói đến sự tác dụng của Kinh Cầu siêu như sau: "*Kinh Cầu Siêu rất linh nghiệm vì mỗi tiếng tụng lên vốn có sức rung động huyền diệu vô cùng. Sức rung động ấy, hiệp với sức tư tưởng mạnh mẽ và thành kỉnh của người tụng kinh gây thành một mảnh lực phi thường đánh tan Chơn thần của âm nhơn, giúp cho họ mau giải thoát đau khổ và hình phạt Thiêng Liêng*".

Thực hiện lễ Cầu siêu là nhằm cầu xin Ơn Trên cứu giúp phần nào cho vong linh người chết được nhẹ nhàng, chứ không hẳn nhiên cầu là được siêu thoát, vì nó còn tùy thuộc vào nghiệp quả nặng nhẹ mà kiếp sanh người chết đã gây ra. Sự siêu thoát của cha mẹ ông bà có thể trợ giúp

được phần nào bằng việc làm của con cháu. Nếu con cháu biết lo tu hành, lập công bồi đức để có thừa âm chất mà hồi hướng cho cha mẹ, ông bà thì những Chơn linh này có thể được nhẹ nhàng đến cõi thăng. Trong bài Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu có câu:

Thong dong cõi thọ nương hồn,
***Chờ con lập đức** giúp huờn ngôi xưa.*

Tây Phương: Hướng Tây, chỉ cõi Cực Lạc Thế Giới (CLTG). Theo miêu tả trong kinh sách, Cực lạc tịnh độ nằm ở phương Tây của cõi Phật. Đây là một nơi đầy ánh sáng rực rỡ do Phật A-Di-Đà phát ra. Thế giới này tràn ngập mùi hương thơm, đầy hoa, nhạc trời và châu báu, không có già chết bệnh tật.

Ở đó không có các đường ác mà chỉ có các bậc Bồ tát, cùng chúng Thanh Văn, Duyên Giác. Nguồn hạnh phúc lớn nhất là được nghe Phật A-Di-Đà giảng pháp, bên cạnh có hai vị Đại Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí.

Con đường tu để đến cõi Cực Lạc là có đủ **Tín, Nguyện, Hạnh**. *Tín* là tin hoàn toàn nơi Phật trí, tin rằng có cõi Cực Lạc cũng như tin rằng có thể sanh về cõi ấy; *Nguyện* là phải phát nguyện vãng sinh bằng sự chân thành, tha thiết; *Hạnh* là công đức tu tập. Đây là cốt lõi của pháp môn Tịnh Độ tông, kết hợp cả tự lực và tha lực.

Cực Lạc thế giới, ngoài các sự vui đẹp về vật chất, còn được hưởng những điều cao quý như sau:

- Thường được thấy Phật, gần Phật và Chư Bồ Tát.
- Được nghe diễn nói pháp mầu.
- Không còn bị đọa vào ác đạo.
- Vĩnh viễn thoát ly luân hồi.

- Thọ dụng tự nhiên.
- Được vào bậc chánh định không còn thối lui.

Nơi Cực Lạc thế giới, mọi người dân đều có trí huệ sáng suốt. Lúc nghĩ tưởng, thì đều thuần là quan niệm đạo đức, đúng chánh pháp. Mọi người đều yêu kính nhau. không tham, không sân, không si, không thành kiến...

PHẬT TỔ

Đức Phật Thích Ca sáng lập Phật giáo trong thời Nhị kỳ phổ độ nên được gọi là Phật Tổ. **Siddhārtha Gautama** hay *Tất-đạt-đa Cồ-đàm* (phiên âm Hán Việt từ tiếng Phạn) cũng được Phật tử gọi là **Phật Thích-ca Mâu-ni** (*Shakyamuni Buddha*), **Gautama Buddha** (c. 563 BCE/480 BCE – c. 483 BCE/400 BCE), hay gọi đơn giản là **Đức Phật.** Theo tương truyền và sử liệu, Ngài đã sống và truyền dạy giáo lý ở phía đông tiểu lục địa Ấn Độ vào giữa thế kỷ thứ 6 và 4 TCN. Siddhārtha đã đề xướng con đường Trung đạo (*Majjhimāpatipadā*), vừa từ bỏ đời sống xa hoa và cũng vừa từ bỏ lối tu ép xác khổ hạnh thịnh hành trong các học thuyết tôn giáo Ấn Độ thời đó.

A-DI-ĐÀ PHẬT

A-di-đà hay **A Di Đà** (chữ Hán: 阿彌陀) là danh từ phiên âm có gốc từ hai chữ trong tiếng Phạn : अमिताभ, *amitābha* và *amitāyus*. *Amitābha* dịch nghĩa là "*vô lượng quang*" – "*ánh sáng vô lượng*"; *amitāyus* có nghĩa là "*vô lượng thọ*" – "*thọ mệnh vô lượng*". Đây là tên của một vị Phật được tôn thờ nhiều nhất trong Đại thừa.

A-di-đà trụ trì cõi Cực lạc (tiếng Phạn: *sukhāvatī*) ở phương Tây. Phật A-di-đà được tôn thờ trong Tịnh độ tông tại Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản và Tây Tạng, tượng trưng cho TỪ BI và TRÍ TUỆ.

Ngài có phát 48 lời nguyện rộng lớn là cứu độ tất cả chúng sanh, trong đó có lời nguyện sẽ tiếp dẫn vãng sanh về cõi Tịnh độ chúng sanh nào hướng niệm đến Ngài. Trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Phật A-Di-Đà làm Chưởng giáo Cực Lạc Thế Giới. Nay là thời Tam Kỳ Phổ Độ, Ngài giao quyền lại cho Đức Di-Lạc Vương Phật làm Chưởng giáo CLTG, và Đức A-Di-Đà vào ngự nơi Lôi Âm Tự. Trong các ngôi chùa thường thờ Ngài ngồi chính giữa, Bồ Tát Thế Chí đứng bên phải, và Bồ Tát Quan Âm đứng bên trái.

ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT

Địa 地 là đất, là nơi nương tựa của muôn loài, nhờ đất mà vạn vật nẩy nở, do đất mà phát sinh muôn loài. Tạng 藏 là kho báu chất chứa trong lòng đất. Tâm được ví như đất, nên Bồ Tát Địa Tạng tượng trưng cho chân tâm. Chúng sanh phải nương vào chân tâm mới an vui giải thoát.

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn ân xá cho chúng sanh, đóng cửa Địa ngục, Phong đô mà mở ra một quan ải cho các Chơn hồn giải thân định trí, nói rõ hơn, đó là nơi của các hồn đến đó đặng định tâm xét mình, coi trong kiếp sanh bao nhiêu phước tội, nơi đó được gọi là Âm Quang, do Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa các nam tội hồn, còn Thất Nương Diêu Trì Cung thì lãnh

phần giáo hóa các nữ tội hồn.

QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Tên tiếng Hán *Quán Thế Âm Bồ-tát* (觀世音菩薩) được phiên dịch từ tên tiếng Phạn này, "*Avalokiteśvara Bodhisattva*". Bồ-tát này thường được mô tả dưới nhiều dạng thân nam hay nữ, và được biết đến với tên gọi đơn giản là Quan Âm. Bồ-tát Quán Thế Âm còn được gọi **Bồ tát Từ Hàng** hay **Từ Hàng Đại sĩ**.

Namo Avalokiteshvara Bodhisattva là câu niệm hồng danh của ngài Quán Thế Âm Bồ tát. Quán Thế Âm có nghĩa là quán chiếu, suy xét, lắng nghe âm thanh của thế gian. Theo Phẩm Phổ môn trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, sở dĩ ngài mang tên gọi như vậy là do hạnh nguyện từ bi cứu khu nạn, mỗi khi chúng sanh bị khổn ách, nguy cấp liền nhất tâm niệm danh hiệu của Bồ tát, Ngài liền quán xét âm thanh đó, cứu họ thoát khỏi tai ách.

Bà Bát Nương có giáng cơ cho biết về Đức Quan Âm như sau: "*Dưới quyền của Phật Mẫu có* ***Cửu vị Tiên Nương trông nom về cơ giáo hóa*** *cho vạn linh, còn ngoài ra có* ***hằng hà sa số Phật trông nom về cơ Phổ Độ*** *mà Quán Thế Âm Bồ Tát là Đấng đứng đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An Nhàn Động, còn Cung Diêu Trì thì ở tại Tạo Hóa Thiên*".

THẬP ĐIỆN TỪ VƯƠNG[1]

Theo tín ngưỡng Phật giáo Á Đông, trong đó có

[1] Chú thích: Mười vị vua ở địa ngục có các trách nhiệm phán xét

Việt Nam, là 10 vị VUA cai quản cõi chết và phán xét con

các loại tội ác khác nhau của con người bao gồm các vị như sau:

Nhất điện–TẦN QUẢNG VƯƠNG: Tần Quảng Vương Tướng chuyên điều khiển việc khỏe mạnh, ốm đau, sinh tử của trần gian và quản lý việc u minh, cát hung. Người thiện sau khi thọ mệnh được tiếp dẫn siêu sinh. Người nửa công nửa tội được đưa đến điện thứ mười xét xử, sau đó được đầu thai làm người trên thế gian: nam thì chuyển thành nữ, nữ thì chuyển thành nam. Người làm điều thiện ít, điều ác nhiều thì được áp giải đến đài cao, phía bên trái điện, gọi là đài gương "nghiệt cảnh đài", để nhìn vào đó liền thấy rõ mọi việc tốt xấu hồi còn tại thế, sau đó giải đến điện thứ hai để vào ngục chịu khổ.

Nhị điện–SỞ GIANG VƯƠNG: Sở Giang Vương trông coi địa ngục Hoạt Đại (có 16 tiểu địa ngục với các hình phạt như: mây đè, phân thối, bị đâm, bỏ đói, bỏ khát, nấu máu, nấu một chảo đồng, nấu nhiều chảo đồng, bỏ vô cối xay sắt, đong lường, gà mổ, ao tro, chặt khúc, gươm lá đâm, chó sói ăn thịt, bỏ vào ao lạnh giá...). Những ai lúc còn sống trên thế gian làm điều tổn thương đến thân thể người khác, gian dâm, sát sinh đều được đưa vào ngục này và các tiểu ngục để chịu khổ. Khi hết kỳ hạn liền được đưa đến ngục thứ ba để định đoạt tiếp hình phạt.

Tam điện–TỐNG ĐẾ VƯƠNG: Tống Đế vương Dư quản Hắc Thằng Đại Địa (có 16 tiểu ngục với các hình phạt: nước mặn, bị gông xiềng, đục sườn, nạo mặt, nạo mỡ, móc gan tim, móc mắt, lột da, căng da, cưa cẳng, rút móng, hút huyết, treo ngược, , ăn giòi, đập đầu gối, mổ tim).

Ai khi sống trên trần gian mà ngỗ ngược, hỗn láo với bề trên, xúi bẩy kiện tụng, gây sự bất hòa... phải vào ngục này và các tiểu ngục chịu khổ, hết kỳ hạn đưa đến điện thứ tư.

Tứ điện–NGŨ QUAN VƯƠNG: Ngũ Quan Vương quản địa ngục Hợp Đại (và 16 tiểu ngục với hình phạt: xiên thịt, xối nước sôi, vả sưng mặt, chặt gân xương, khứa vai lột da, khoan da thịt, chim trĩ mổ, mặc áo sắt, cây, đá dằn, khoét mắt, tro lấp miệng, đổ thuốc độc, trượt nhớt té, xâm miệng, chôn trong đá vụn...). Những ai mua gian bán lận đều bị đưa vào ngục này và các ngục nhỏ chịu khổ, hết kỳ hạn được đưa qua điện thứ năm.

Ngũ điện–DIÊM LA THIÊN TỬ: quản đại địa ngục Khiếu Hoán (tội phạm ở đây lâm vào cảnh buồn chán, đau khổ không gì bằng) và 16 tiểu ngục. Những ai đến điện này đều được dẫn

người ở Địa ngục căn cứ vào công hay tội họ đã tạo ra khi đến đài Vọng Hương để nghe và thấy tất cả những điều, những tai ương mà họ đã gây ra trên trần gian, sau đó được đưa vào địa ngục rồi vào chu tâm tiểu ngục,. Hết kỳ hạn lại được đưa xuống điện thứ sáu.

Lục điện–BIỆN THÀNH VƯƠNG: Biện Thành Vương quản Khiếu Hoán đại địa ngục và thành Uổng Tử và 16 tiểu địa ngục với hình phạt: quỳ chông, nhốt trong hầm phân, thiến dái, quết thịt, trâu báng, ngựa đạp,... Những ai khi sống trên thế gian oán trời trách đất, trộm cắp, đầu cơ tích trữ, hiếp dâm... đưa vào ngục này và tiểu ngục để chịu khổ hơn nữa. Hết kỳ hạn được đưa đến điện thứ bảy.

Thất điện–THÁI SƠN VƯƠNG: Thái Sơn Vương quản địa ngục Nhiệt Não (có 16 tiểu ngục; tội phạm được quẳng vào vạc đồng để nấu). Ai khi sống trên trần gian đào mồ, trộm mả, lấy hài cốt, ruồng bỏ người ơn nghĩa, đưa vào ngục này và các tiểu ngục. Hết kỳ hạn giải đến điện thứ tám.

Bát điện–ĐÔ THỊ VƯƠNG: Đô thị Vương quản đại địa ngục Đại Nhiệt Não (có 16 tiểu ngục; tội phạm bị thiêu, bị nấu cực hình hơn). Những ai sống trên trần gian bất hiếu khiến cha mẹ đẻ, cha mẹ chồng, cha mẹ vợ phải buồn phiền, bực tức khi chết sẽ bị ném vào ngục này và các tiểu ngục. Kẻ bất hiếu chịu hết mọi hình thức đau khổ, giải đến điện thứ mười.

Cửu điện–BÌNH ĐẲNG VƯƠNG: Bình Đẳng Vương quản Thiết Võng A Tỳ và 16 tiểu ngục ở Thành Phong Đô. Ai sinh sống trên thế gian mà giết người, đốt nhà, bị chém nơi pháp trường đều giải đến điện này, bắt ôm cột đồng trống rỗng và trói chân tay lại, đốt lửa ống đồng cho tim gan thiêu trụi và chịu nhiều cực hình khác, sau đó lần lượt đầu thai vào những nơi kẻ đó đã làm hại, giải đến điện thứ mười. Điện này chủ yếu trị tội những ai giết cha mẹ. Hết hạn được chuyển kiếp thành người điên dại, thiểu năng trí tuệ.

Thập điện–CHUYỂN LUÂN VƯƠNG: Chuyển Luân Vương chuyên nắm các điện mà giải đến nơi quỷ hồn để làm rõ thiện ác, quyết định đẳng cấp, rồi cho lên đầu thai.

Nam hay nữ, sống lâu hay chết yểu, giàu sang phú quý hay nghèo hèn, lần lượt được ghi vào danh sách... Các tội nhân sau khi chịu đủ các hình thức xử phạt ở các điện, được giải đến điện Thập điện cho đầu thai. Những ai được đầu thai đều được giao

còn sống. Mười vị vua đó thường được gọi là Thập Điện Diêm Vương 十殿 閻 王 hay Thập Điện Minh Vương. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn Đại Ân Xá, đóng Địa ngục, mở Từng Thiên, nên Thập Điện Diêm Vương hay Thập Điện Minh Vương được chúng sanh gọi là Thập Điện Từ Vương.

Những biện sự về địa ngục, Diêm Vương, Thập điện Diêm La có phần nào mô phỏng hình ảnh quan nha trên thế gian. Các tranh vẽ, chạm khắc trên gỗ đá... miêu tả cảnh phạt tội ở địa ngục: địa ngục tăm tối, máu chảy, đầu rơi, các hình phạt kinh hồn... cốt không ngoài mục đích khuyến thiện răn ác, nhằm làm cho người đời thấy đó mà kiêng dè, thấy đó mà hướng thiện, nhắc nhở người đời phương châm đạo lý «*Ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ*».

LUY TIẾT: Dây trói buộc tù phạm, trăn trói, giam cầm.

LINH QUANG: Điểm Linh quang, tức là linh hồn con người. Thượng Đế là một khối Ánh sáng vĩ đại, là Đại Linh quang trong Càn khôn Vũ trụ. Thượng Đế mới chiết ra thành vô số điểm ánh sáng cực nhỏ nhưng thông linh (Tiểu Linh quang) làm linh hồn cho con người.

CUNG TIÊN: Hay Tiên cung, Cung Trời, chỉ cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

PHƯỚC ĐỊA*:* Đất phước, nơi nhiều phước lành. Vùng Long Thành, tỉnh Tây ninh được gọi là Thánh địa.

TU LUYỆN: Tu sửa và rèn luyện. Học thì phải hành,

cho Thân Mạnh Bà đến Thù Vong Đài cho ăn cháo lú, để quên hết những chuyện của kiếp trước...

ở đây tu cũng phải luyện, tức là sửa đổi những tính sân si, hung dữ, ganh ghét thành nhẫn nhịn, thương yêu rồi phải trau giồi rèn luyện để trở nên người hiền lương đạo đức. Tu luyện còn là một phép của phái Đạo gia, đó là tu tâm dưỡng tánh và luyện cho Tinh, Khí, Thần hợp nhất nữa.

U HIỂN: Tối và rõ, Âm phủ và Dương gian**.**

TIẾT 2. KINH ĐƯA LINH CỮU

I.-KINH VĂN:

Cầu các Trấn Thần linh trợ lịnh,
Giữ Chơn hồn xa lánh xác trần.
Nam Mô Địa Tạng thi ân,
Đưa đường Thiên cảnh, lánh gần Phong đô.
Nam mô ***Tam Trấn Hư Vô****,*
Oai nghiêm độ rỗi Cao Đồ qui nguyên.
Nam mô ***Tam Giáo*** *diệu huyền,*
Tuyệt luân Bát Nhã đưa thuyền độ vong.
Nam mô ***Bạch Ngọc*** *công đồng,*
Thần, Tiên, Thánh, Phật mở vòng trái oan.
Nam mô Thượng Đế Ngọc Hoàng,
Mở cơ tận độ nhẹ nhàng Chơn linh.

Cửa Cực Lạc thinh thinh rộng mở,
Rước vong hồn lui trở ngôi xưa.
Toà sen báu vật xin đưa,
Chơn linh an ngự cho vừa quả duyên.

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

II.-NGUỒN GỐC:

Bài Kinh đưa Linh cữu do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ ban cho. Trước khi đưa Linh Cữu, phải làm lễ cúng và cầu nguyện với Đức Chí Tôn, rồi Cáo Từ Tổ, sau đó Đạo Tỳ nhập bái quan. Khi bắt đầu đưa thì đồng nhi tụng Bài Kinh Đưa Linh Cữu cho tới khi ra huyệt mộ.

Bài Kinh Đưa Linh Cữu có nội dung nhằm cầu nguyện các Đấng Thiêng Liêng giữ cho Chơn hồn tránh nẻo Phong Đô mà thẳng đường về Thiên cảnh.

III.-CHÚ GIẢI:

Cầu các Trấn Thần linh trợ lịnh,
Giữ Chơn hồn xa lánh xác trần.

Con người không tu hành thì chỉ chú trọng vật chất, danh lợi, vợ con... Nên khi vừa mới thoát xác, thì Vong hồn thường hay buồn bực khổ sở, tham tiếc cuộc sống, quyến luyến danh lợi, vợ con... Cho nên người chết cần được tụng Kinh để nhắc nhở thức tỉnh, xa lánh xác *thân ở trần gian* mà thẳng tiến về Thiên cảnh.

Nam Mô Địa Tạng thi ân,
Đưa đường Thiên cảnh, lánh gần Phong đô.

Nam Mô 南 無: Do từ Phạn Namah phiên âm ra, có sáu ý nghĩa:

1. Qui y: Trở về nương tựa Phật và Bồ Tát.
2. Qui mạng: Qui thân mạng của mình.
3. Cung kính: Hết lòng chí thành cung kính.
4. Cứu ngã: Mong được cứu độ.
5. Đảnh lễ: Lòng thành kính.

6. Độ ngã: Mong tu được qua bờ giác ngộ.

ĐỊA TẠNG: Tức Địa Tạng Vương Bồ Tát (Xem chú thích trong bài Kinh Cầu Siêu).

PHONG ĐÔ: Tức là Địa ngục, Âm ty, nơi giam cầm và trừng trị các tội hồn gây nhiều ác nghiệt lúc còn sống nơi thế gian.

Nam Mô Tam Trấn Hư Vô,
Oai Nghiêm độ rỗi Cao Đồ qui nguyên.

TAM TRẤN : Là ba vị Thiêng liêng, thay mặt cho Ba vị Giáo chủ cầm quyền Ba nền Tôn giáo lớn trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi là Tam Trấn Oai Nghiêm.

- **Nhất Trấn Oai Nghiêm: Lý Đại Tiên Trưởng** (Lý Thái Bạch), kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thay mặtTIÊN GIÁO.
- **Nhị Trấn Oai Nghiêm: Quán Thế Âm Bồ Tát**, thay mặt PHẬT GIÁO.
- **Tam Trấn Oai Nghiêm: Quan Thánh Đế Quân**, thay mặt THÁNH GIÁO.

CAO ĐỒ: Môn đồ của Đấng Cao Đài, tức là những người học trò của đấng Cao Đài Ngọc Đế. Những người được nhập môn vào đạo Cao Đài và tùng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ đều là môn đồ của Đức Chí Tôn. Trong đàn cơ ngày 24/4/1926, Đức Chí Tôn dạy: "*Thầy nhứt định đến chính mình Thầy mà độ rỗi các con, chẳng chịu giao chánh giáo cho tay phàm nữa, nhưng mà buộc phải lập chánh thể có lớn nhỏ đặng dễ thế cho các con dìu dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo*".

QUI NGUYÊN: Trở về với ban đầu, hay trở về với gốc. Ban đầu hay gốc của con người là khí Thái cực

của Ngọc Hoàng Thượng Đế chiết ra ban cho con người để làm linh hồn, gọi là Tiểu linh quang. Qui nguyên hay qui hồi cựu vị tức là trở về với khối Đại linh quang (Đại hồn) của Chí Tôn.

Nam Mô Tam Giáo diệu huyền,
Tuyệt luân Bát Nhã đưa thuyền độ vong.

TAM GIÁO: Ba nền Tôn Giáo lớn là Phật giáo, Tiên giáo, Thánh giáo. Trong Thánh giáo, phải kể đến Khổng giáo, Ky tô giáo...

BÁT NHÃ: Hán dịch âm từ Prajna, nghĩa là trí tuệ hay trí huệ. Trí tuệ ở đây không phải do trí thức suy luận ra có, mà là thứ trực giác hiểu được tánh không, chân tánh của mọi sự vật. Đạt được trí tuệ Bát nhã được xem đã giác ngộ.

BÁT NHÃ THUYỀN: Chiếc thuyền trí tuệ. Trí tuệ phá được vô minh, nên được ví như một con thuyền Bát nhã đưa con người qua khỏi Bến mê luân hồi để đến bên kia bờ giác ngộ. Con người ở thế gian vì vô minh mà phải chịu chìm đắm trong luân hồi sinh tử. Muốn phá vô minh thì phải dùng trí tuệ. Vì vậy, người tu hành phải biết đem trí tuệ dùng làm con thuyền, gọi là thuyền Bát Nhã để cứu vớt con người hoặc vong linh chơi vơi nơi biển khổ, hầu đưa qua bên kia bờ giác ngộ.

Nam Mô Bạch Ngọc công đồng,
Thần, Tiên, Thánh, Phật mở vòng trái oan.

BẠCH NGỌC: Tức là Bạch Ngọc Kinh 白玉京, tòa lâu đài bằng ngọc trắng, nơi ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

BẠCH NGỌC CÔNG ĐỒNG: Đây là một Đại

Hội gồm chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tại Ngọc Hư Cung, Linh Tiêu Điện, Bạch Ngọc Kinh nơi cõi Thiêng Liêng.

TRÁI OAN hay OAN TRÁI: Nợ oan khiên. Kiếp trước mình gây ra những điều ác cho người, khiến người thù hận mình, kiếp này phải đền trả, đó gọi là nợ oan trái.

Nam Mô Thượng Đế Ngọc Hoàng,
Mở cơ tận độ nhẹ nhàng Chơn linh.

Cửa Cực Lạc thinh thinh rộng mở,
Rước vong hồn lui trở ngôi xưa.
Toà sen báu vật xin đưa,
Chơn linh an ngự cho vừa quả duyên.

NGÔI XƯA: Ngôi vị cũ, hay ngôi xưa vị cũ, nơi các Chơn linh được tạo ra ở buổi đầu, chưa xuống thế gian.

CỰC LẠC: nói tắt của chữ Cực Lạc thế giới

QUẢ DUYÊN: Cái kết quả có được là do sự bổ trợ của duyên; ví như muốn có hạt lúa (quả) thì phải có nhiều yếu tố như đất, nước, gió, lửa, ánh sáng mặt trời, cày bừa... để bổ trợ, đó gọi là duyên. Còn người tu hành muốn đạt được quả vị, thì phải nhờ công đức hành đạo để tạo duyên.

■ *(Trích CHÚ GIẢI KINH TẬN ĐỘ của Hiền Tài QUÁCH VĂN HÒA)*

CHƯƠNG BA
ĐỊA NGỤC, CÕI ÂM QUANG, U MINH ĐỊA GIỚI

TIẾT 1: ĐỊA NGỤC THEO TRUYỀN THUYẾT DÂN GIAN

VỌNG HƯƠNG ĐÀI

"Trên Vọng Hương đài, vong hồn hốt hoảng, mắt mở trừng trừng lệ hai hàng. Vợ con già trẻ tựa bên hòm, bạn bè thân quyến trước linh đường".

CANH MẠNH BÀ

Canh Mạnh Bà còn gọi là Vong Tình Thủy, Vong Ưu Tán, hễ uống vào liền quên hết mọi chuyện của đời này lẫn đời trước. Mạnh Bà phân phát canh Mạnh Bà ở đầu cầu Nại Hà. Còn không chịu uống canh Mạnh Bà, thì không qua được cầu Nại Hà, không được đầu thai.

Uống canh Mạnh Bà rồi, có thể quên đi hết thảy sầu khổ, buồn vui nơi trần thế, mối thù trong đời này kiếp này sẽ quên sạch đi, đến thế gian làm một con người hoàn toàn mới.

CẦU NẠI HÀ

"Đi qua đầu cầu Nại Hà, một đi không ngoảnh đầu nhìn lại".

Cây cầu chia thành ba tầng, tầng trên đỏ, tầng giữa màu vàng đen, tầng dưới cùng là màu đen, càng ở tầng

thấp thì càng chật, càng hung hiểm vô cùng. Khi sống làm việc thiện thì đi tầng trên, người nửa thiện nửa ác thì đi tầng giữa, những người hành ác thì chính là đi tầng dưới cùng. Bên dưới cầu là con sông có vô số cô hồn dã quỷ không được đầu thai; Những người đi tầng dưới sẽ bị quỷ hồn chặn lại, lôi vào trong sóng lớn bẩn thỉu, bị rắn đồng chó sắt cắn xé, chịu đủ thống khổ dày vò không được giải thoát. Đi qua hết cầu Nại Hà bèn có thể thông đến sáu nơi, tức là đi vào cõi lục đạo luân hồi.

Quá trình đi xuống âm gian của người ta sau khi chết vốn không áp dụng với hết thảy mọi người. **Những người tu hành làm thiện nếu như công đức đạt đến viên mãn, sau khi hết mệnh sẽ không phải trải qua quá trình âm gian này mà trực tiếp được Phật tiếp dẫn đến thế giới Tây phương Cực Lạc**; những kẻ đại ác làm nhiều việc gian ác cũng có thể sẽ không trải qua quá trình âm gian này, bởi nghiệp lực dẫn dắt mà sẽ bị đánh thẳng vào địa ngục.

Đây là truyền thuyết lưu truyền hơn hàng nghìn năm nay, tuy khoa học không cách nào chứng thực được, nhưng vẫn mãi ảnh hưởng đến tâm linh của người ta, hết thảy mọi người không khỏi hiếu kì, e sợ... Từ xa xưa con người vẫn quan niệm rằng, người tốt chết rồi thì lên thiên giới, người xấu chết rồi thì xuống địa ngục. Và tiêu chuẩn phân biệt tốt xấu đó là do văn hóa cổ truyền để phân định điều này. Văn hóa Á Đông ca ngợi TRUNG, HIẾU, TIẾT, NGHĨA. Còn văn hóa Tây phương ca ngợi điều gì?

Ngày nay đạo đức xã hội càng ngày càng suy đồi bại hoại, kiếm tiền bằng mọi cách, lương thiện hay không lương thiện. Như ai cũng biết Thạch Sanh là tốt thế nào,

Lý Thông xấu ra sao. Nhưng ngày nay người thật thà như Thạch Sanh bị xem là khờ khạo hay "*dại quá*"; người giống như Lý Thông được xem là khôn, có tài, biết tận dụng thời cơ... Tiêu chuẩn nhận định tốt xấu của thế gian đã thay đổi, nhưng xin nhớ, tiêu chuẩn đạo đức của cõi Hư linh không thay đổi. Kinh sách xưa nay đều khuyên làm lành, lánh dữ; nếu không thương nhau được cũng đừng ghét và hãm hại nhau.

TIẾT 2. ĐỊA NGỤC THEO ẤN ĐỘ GIÁO

Trong niềm tin Ấn độ giáo, số phận của một người có liên hệ đến hành vi của người đó. Sự cứu rỗi tùy thuộc nơi Karma của một người.. Karma theo nghĩa đen có nghĩa là "*nghiệp*" (tức là công việc làm) và nó bị buộc chặt vào luật nhân quả.

Niềm tin nầy cho rằng Atman (hồn người hay Tiểu ngã) có thể được hợp nhất với Brahman là Đại hồn (hay Đại ngã). Sự hiệp nhất nầy được hoàn thành tuỳ thuộc vào việc lành và sự từ bỏ mình. Một người sẽ tiết chế dục vọng của mình khi người đó nghĩ đến nghiệp quả của mình. Tuy nhiên, không có sự phán xét, sự ăn năn hay là sự tha thứ trong tiến trình đó.. Bằng việc thiện, linh hồn con người có thể tìm được moksha (sự giải thoát) khỏi samsara (kiếp luân hồi). Niềm tin nơi sự luân hồi hay sự chuyển kiếp (linh hồn chuyển sinh) là Samsara. Việc linh hồn chuyển sinh được giải thích như sau: Khi một người qua đời, linh hồn không chết nhưng được đầu thai trong một hình thể sống khác. Tiến trình nầy được lặp đi lặp lại một vòng quay bất tận. Sự đầu thai có thể ở mức độ cao hơn hay thấp hơn cuộc sống trước đó. Nó có thể thuộc

về cõi trời, cõi địa ngục hay nhân gian. Nó có thể xảy ra ở bất cứ hình thái nào của cuộc sống: con người, thú vật, cây cỏ... Một người ở tình trạng xã hội thấp vẫn có thể đầu thai thành một rajah (tù trưởng) hay là một Brahmin (quý tộc, thượng lưu). Hoặc người đó có thể thành một người bần cùng trong xã hội, một con thú vật, một con bọ, một con trùng, hay là cây cối, cát đá hoặc là một linh hồn ở cõi địa ngục...

Tư tưởng, lời nói, hành động của một người ở đời nầy sẽ có hậu quả tốt hay xấu cho đời sau của người đó. Chính định luật thời cổ cho rằng một người sẽ gặt những gì mình đã gieo.

TIẾT 3. ĐỊA NGỤC THEO PHẬT GIÁO

▪ **Theo Phật Học Từ Điển của Đoàn Trung Còn**:

Địa ngục có những nghĩa sau đây:

1. **Bất lạc, Bất khả lạc:** Ấy là nơi chẳng vui, chẳng thể vui được vì có đủ mọi lối khổ.
2. **Bất khả cứu tế:** Không thể cứu cho thoát khỏi được, vì cảm ứng các sự ác đã làm.
3. **Âm minh:** Nơi tối tăm, chúng sanh ở cảnh ấy không hề nghe biết đạo lý hay chánh pháp.
4. **Địa ngục:** Cảnh ngục thất hành phạt ở dưới đất.

▪ **Theo Từ Điển Phật Học Hán Việt của Giáo Hội Phật giáo VN**:

Ở vùng Nam Thiệm Bộ Châu, sâu dưới đất chừng 500 Yojana có Địa ngục Đẳng hoạt. Theo thứ tự thì Địa ngục thứ tám gọi là Vô gián Địa ngục. Tám Địa ngục

lớn ấy chồng chất hiện lên khắp cả. Theo Luận Câu Xá quyển 8 thì có:

1. Đẳng Hoạt Địa ngục (Sonytra): Ở đó có chúng sanh phạm tội bị gươm đao đâm chém, gậy gộc đánh đập, cối xay nghiền giã, khi có gió mát thổi tới thì lại tỉnh như cũ, như lúc còn sống, nên gọi là Đẳng hoạt.
2. Hắc thằng Địa ngục (Kàlasùtra): Kẻ phạm tội bị dây thừng đen căng tứ chi ra, rồi cưa chém tứ chi và thân thể nên gọi là Hắc thằng.
3. Chúng hợp Địa ngục (Sanghàta): Nơi đây những kẻ phạm tội hợp nhau lại cấu xé lẫn nhau nên gọi là chúng hợp.
4. Hào khiếu Địa ngục (Rovuva): Cũng gọi là Khiếu hoán Địa ngục. Nơi đây kẻ mắc tội chịu nhiều nhục hình cực khổ mà kêu la thảm thiết.
5. Đại Khiếu hoán Địa ngục (Maha rovuva): Nơi đây kẻ mắc tội phải chịu hình phạt tăng lên, kêu khóc càng to nên gọi là Đại hào khiếu Địa ngục.
6. Viêm nhiệt Địa ngục (Tapana): Ở đây kẻ mắc tội bị lửa thiêu toàn thân bốc cháy, khổ cực không sao chịu được, nên gọi là Viêm nhiệt Địa ngục.
7. Đại nhiệt Địa ngục (Pratapana): Nơi đây lửa thiêu cực kỳ gay gắt, nỗi khổ tăng gấp bội nên gọi là Đại nhiệt.
8. Vô gián Địa ngục (Avisi): Nơi đây kẻ mắc tội phải chịu khổ hình liên tục, không lúc nào được nghỉ, nên gọi là Vô gián Địa ngục.

Theo Alfred Bloom (Giáo sư danh dự Đại học Hawaii – Hoa Kỳ), Phật giáo xuất hiện bên trong ngữ cảnh tôn

giáo Ấn Độ vào thế kỷ VI TTL.

Niềm tin về các cõi trời và các cõi địa ngục đã có mặt rồi. Từ khởi đầu Đức Phật dạy nguyên lý nghiệp và tái sanh, nhưng không giống tôn giáo Ấn Độ, Ngài từ bỏ khái niệm về một linh hồn hay thực thể vĩnh cữu ở trong chúng sanh và các sự vật. Không có một linh hồn bất tử như ở trong Ấn giáo và Thiên Chúa giáo. Chúng sanh được cấu thành từ một tập hợp các yếu tố (ngũ uẩn) mà chúng phân tán khi chết và nhận lấy một hình thức đời sống mới, tương ứng với nghiệp của họ.

Ngang qua những hành vi tốt và việc tu tập của mình, ta trải qua nhiều giai đoạn tiến triển mãi cho đến khi có thể chứng đạt Niết-bàn. **Niết-bàn không phải là một nơi chốn mà, có lẽ, là một trạng thái phúc lạc, an bình và hoan hỷ không thể mô tả được**. Những ngọn lửa tham chấp được "*dập tắt*" và thế giới phân biệt được vượt qua. Nó giải thoát khỏi nghiệp. Không có từ ngữ nào đủ để định nghĩa nó. Phật giáo cũng có một triết học về đời sống sau khi chết. Vũ trụ chia thành ba cấp độ, dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

Ở dục giới, có sáu cõi từ cõi của chư thiên đến xuống các cõi địa ngục. Ta có thể sanh vào một cõi trời, hay làm một con người, một a-tu-la, một súc sanh, một quỷ đói hay một chúng sanh ở địa ngục. Tầng bậc tái sanh tùy thuộc vào sự vượt trội của nghiệp thiện qua nghiệp ác hay ngược lại. Ta có thể đạt lấy Niết-bàn chỉ từ cõi người mà ở đó ta có thể tu tập theo giáo pháp Phật giáo. Truyền thống Phật giáo Đại thừa của Bắc và Đông Á đã thêm những xem xét xa hơn. Mục đích của Niết-bàn được thay bằng việc chứng đắc Phật quả. Trước Phật quả là giai đoạn

của Bồ-tát. Bồ-tát vào lúc đầu từ chối nhập Niết-bàn để cứu độ tất cả chúng sanh vì lòng từ bi. Khi cuối cùng đạt đến Phật quả, ngài sẽ tiếp tục công việc cứu độ của mình. Điều cốt yếu của Phật giáo Đại thừa là lòng từ bi phổ quát.

Đối nghịch với lĩnh vực từ bi ở các cõi trời hay Tịnh độ, là những cõi địa ngục mà ở đó những người xấu ác sẽ đến do vì nghiệp nhân của họ. Tuy nhiên, những địa ngục này cũng không vĩnh cửu mà tùy thuộc vào **NGHIỆP** của mỗi người gây ra khi sống trên dương thế.

Trong Phật giáo Đại thừa về sau ở Đông Á, quan điểm về một linh hồn thường hằng trở nên phổ biến. Vào lễ Vu Lan (Obon), linh hồn của những người thân yêu được tin quay về từ bờ giác bên kia. Họ đã bỏ ra những nguồn tài sản đáng kể vào việc cúng kiếng nhằm siêu thoát người chết. Tuy nhiên, phần lớn những hình ảnh này được so sánh với những trạng thái tâm lý. Ví dụ, hình ảnh ngạ quỷ phổ biến tại lễ Vu Lan có một cái bụng lớn và miệng nhỏ, phản ánh trạng thái tinh thần tham lam mà tất cả chúng ta trải nghiệm. Những miêu tả là để hướng dẫn trạng thái tinh thần của chúng ta trong đời sống này và khổ đau mà ta có thể tạo ra. Thông qua những niềm tin này, Phật giáo có thể giúp người ta chấp nhận những khó khăn trong đời sống và có những cái nhìn tích cực hơn đối với số phận của tất cả. Những niềm tin này tương phản với một số trình bày của Thiên Chúa giáo, trong việc nhấn mạnh rằng giải thoát sau cùng sẽ đến với tất cả mọi chúng sanh. Kẻ xấu ác đã phạm phải điều gì, thì sự trừng phạt sẽ tương thích với điều đó. Có sự công bằng cuối cùng dành cho tất cả.

TIẾT 4. ĐỊA NGỤC THEO THIÊN CHÚA GIÁO

Truyền thống Thiên Chúa giáo tin vào cả Cựu và Tân ước. Trong Cựu ước, khởi nguyên là Thánh kinh của người Do Thái, không có quan niệm rõ ràng về đời sống sau khi chết. Nói chung, người ta nghĩ rằng họ sẽ đi đến âm ty – nơi yên nghỉ cuối cùng – hay rằng họ sẽ yên nghỉ cùng với cha ông hay tổ tiên của họ. Con người không bị phân biệt là có đức tin hay không có đức tin.

Do Thái giáo về sau, được đặt cơ sở trên Thánh kinh Do thái (Hebrew Bible), không phải là một tôn giáo thế giới đem sự cứu rỗi đến cho tất cả loài người. Nó là một tín ngưỡng của một dân tộc riêng biệt tận tâm với Thiên Chúa của họ như là dân của ngài và tuân giữ những điều răn của ngài. Tân ước, được tạo lập trong Thiên Chúa giáo (Christianity), chủ trương rằng, dựa vào niềm tin của một người vào Chúa Jesus như là Chúa cứu thế của loài người, người ta sẽ được lên thiên đường hay xuống địa ngục. Truyền thống Công giáo (Catholicsm) đã bổ sung thêm khái niệm chuộc tội. Có một con đường đi đến thiên đường thông qua việc thanh tẩy ở sự chuộc tội với sự trợ giúp của gia đình hay bằng hữu đối với người chết.

Nguồn gốc của quan niệm phương Tây về tính nhị nguyên thiên đường và địa ngục cho thấy đã bắt nguồn ở Ba Tư với giáo thuyết của nhà tiên tri ZOROASTER. Ông đã dạy về cuộc chiến đấu giữa Ahura Mazda, Thần Ánh sáng, và Ahriman, thủ phạm của điều ác. Dựa vào những hành vi của mình, người ta sẽ rơi vào địa ngục hay lên thiên đường.

Một khía cạnh của niềm tin Thiên Chúa giáo là rằng

sau sự phục sinh về thể xác và sự phán xét cuối cùng, những người ác sẽ bị ném vào một hầm lửa vĩnh viễn. Những tín đồ sẽ được đưa lên thiên đường và ở đó họ sẽ sống vĩnh hằng với Thiên Chúa.

Tuy nhiên, sự lan tỏa của Thiên Chúa giáo vào thế giới Hy-Lap ở Địa Trung Hải đã đưa đến những thay đổi trong khái niệm về đời sống sau khi chết. Quan niệm của người Do Thái đã ủng hộ một sự phục sinh và phán xét. Những người đã chết nằm chờ trong mồ của họ cho đến khi có lời gọi của Thiên Chúa đánh thức họ khỏi giấc ngủ để đối diện với sự phán xét. Gần đây, khía cạnh tiêu cực của đời sống sau khi chết đã được giám bớt đi và khía cạnh tích cực của đời sống vĩnh hằng ở nơi sự hiện diện của Chúa Trời được nhấn mạnh. Thay vì chịu thiêu đốt trong một địa ngục theo nghĩa đen, thì quan điểm về việc ngăn cách khỏi Thiên Chúa và sự cô độc cuối cùng thường được nhấn mạnh.

Trong bài "*Thiên Đàng—Luyện Ngục & Hỏa Ngục*", Lm Ansgar Phạm Tĩnh đã cho rằng:

"*Rất nhiều người, trong đó có tôi, và không chừng có cả bạn nữa, đã từng nghĩ hay vẫn còn đang nghĩ Thiên Đàng- Luyện Ngục và Hỏa Ngục là những nơi chốn (places).*

– Thiên Đàng là một nơi trên trời cao, ở đó không có đau khổ, không có nước mắt mà chỉ có vui vẻ, hạnh phúc, hoan lạc, bình an và yêu thương. Ở trên Thiên Đàng các Thánh và các Thiên Thần suốt ngày suốt đêm chỉ ca hát, tán tụng và ngợi khen Thiên Chúa...

– Luyện Ngục là một trại chuyển tiếp, một nơi tạm giam, nơi đây người ta phải chịu nóng nảy, chịu đau khổ,

có cả cực hình nữa để chờ hễ mãn hạn thì được chuyển lên Thiên Đàng. Hỏa Ngục là một nơi sâu thẳm trong lòng đất, ở đó là nơi giam giữ đời đời những kẻ ác, những người không có passport vào Thiên Đàng hay Luyện Ngục. Nơi đây xăng dầu vừa nhiều, vừa rẻ, cho nên Sa-Tan và ma quỷ tha hồ dùng để thiêu đốt và trừng phạt những thường trú nhân ở trong vương quốc của chúng.

Nếu bạn đã từng nghĩ như tôi hoặc vẫn còn đang nghĩ Thiên Đàng—Luyện Ngục và Hỏa Ngục là những nơi chốn thì sai rồi! Bạn cứ mở cuốn Toát Yếu Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo do Đức Giáo Hoàng Benedictô soạn thảo ra mà xem thì sẽ thấy quan niệm của Thiên Đàng—Luyện Ngục và Hỏa Ngục như là những NƠI CHỐN là sai bét! Thiên đàng là tình trạng hạnh phúc tối thượng và vĩnh viễn. Ai chết trong ân sủng của Thiên Chúa và ai không cần bất cứ sự thanh luyện cuối cùng nào, sẽ được qui tụ quanh Chúa Giêsu và Đức Maria, các thiên thần và các thánh... được chiêm ngắm Thiên Chúa "mặt giáp mặt" (1 Cr 13,12)... sống trong sự hiệp thông tình yêu với Chúa Ba Ngôi và chuyển cầu cho chúng ta.

Luyện ngục là tình trạng của những người chết trong tình thân với Thiên Chúa, nhưng, dù đã được đảm bảo ơn cứu độ vĩnh cửu, họ còn cần thanh luyện trước khi được hưởng hạnh phúc thiên đàng. ***Hoả ngục là tình trạng xa cách đời đời khỏi Thiên Chúa****.... Đức Kitô diễn tả thực tại hoả ngục bằng những lời này:*

"Quân bị nguyền rủa kia, đi đi cho khuất mắt Ta mà vào lửa đời đời" (Mt 25:41)

■ *(Toát Yếu Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo # 209, 210, 212).*

TIẾT 5. ĐỊA NGỤC TRONG HỒI GIÁO

Hồi-giáo là một Tôn Giáo dạy các Tín đồ phải phục tùng Thượng-Đế một cách hoàn toàn tuyệt đối, không thắc mắc, không bàn cải, vô điều kiện *(Hồi* được dịch tiếng Á Rập ISLAM nghĩa là Phục Tùng. *Giáo:* Tôn giáo).

Đây là một Tôn Giáo độc Thần tiêu biểu nhứt, nó có tính cách cứng rắn.

Các khái niệm Thiên đường và Địa ngục trong Hồi giáo được lấy ra từ Do-Thái-giáo và cũng giống như Kinh Thánh của Đạo Cơ-Đốc. Người ta hình dung Địa ngục là 7 từng lửa cháy, có quỉ dữ tưới nước sôi vào những người can tội. Người Islam tin rằng trong tháng Ramadan, cửa thiên đường sẽ mở ra và cửa địa ngục đóng lại, và mọi lỗi lầm sẽ được tha thứ. Đây là thời gian người tín đồ phải ăn chay, không quan hệ tình dục và dành thì giờ để suy gẫm về tôn giáo.

Cộng đồng Hồi giáo còn đưa ra nhiệm vụ Thánh chiến (jihâd) với mục đích đem lại cho toàn thể nhân loại những "*quyền con người*" ghi trong Kinh Koran. Đây là một nhiệm vụ nhất thời, vì nó chỉ bắt buộc khi đạo Hồi lâm nguy, cần được bảo vệ. Thật ra ý nghĩa chánh của từ *jihâd* trong Koran là "*nỗ lực*", tín đồ phải tránh được các lỗi lầm để trở thành người thiện. Về sau người ta ghép cho từ này ý nghĩa chiến đấu vũ trang, vì theo Kinh Co-ran, phải chiến đấu để bảo vệ hay tấn công, chiến đấu để dẫn dắt mọi người tiến lên trên đường phục tùng Thượng Đế.

Loại jihad thứ hai là sự tranh chiến với nội tâm mà tín hữu Hồi Giáo phải đương đầu với những dục vọng bản ngã để có thể đạt đến sự bình an trong tâm hồn.

Tín đồ Hồi giáo cũng được người sáng lập của họ là nhà tiên tri Mohammed dạy rằng có một thiên đường dành cho những ai tin vào đấng Allah, biết thực hành việc bố thí, ăn chay (theo cách của đạo Hồi), hành hương đến thánh địa Mecca, giữ đúng theo lễ nghi đạo Hồi và sống có hiếu nghĩa. Đường vào thiên đường ấy là một cây cầu bảy nhịp rất nhỏ mà tất cả những ai đã gây ra tội lỗi, thiếu đức tin đều sẽ phải rơi ngã trước khi đến được thiên đường. Nơi họ rơi xuống chính là địa ngục!

TIẾT 6. ĐỊA NGỤC TRONG CAO ĐÀI GIÁO

Hễ có thưởng thì phải có phạt, hễ có Phật Tiên thì có Ma Quỉ, hễ có Thiên đàng thì phải có Địa ngục, đó là lẽ công bình của Trời Đất mà ai ai cũng phải nhìn nhận.

Thiên đàng và Địa ngục là hai cảnh hoàn toàn đối ngược nhau, thể hiện cán cân công bình thiêng liêng của Thượng Đế và cũng để giúp vào sự thúc đẩy sự Tiến Hóa của Càn Khôn Vũ Trụ. Nếu không có Địa ngục thì cán cân công bình thiêng liêng gãy đổ, Luật Tiến Hóa tan vỡ và đó cũng là sự hủy diệt của Càn Khôn Vũ Trụ. Điều này không thể xảy ra. Tuy nhiên, chúng ta cần phải có một quan niệm về Địa ngục một cách khoa học để tránh rơi vào chỗ mê tín dị đoan.

• Trước hết, Địa ngục không phải ở dưới đất, vì dưới đất sâu là ruột của quả địa cầu, nơi đó chỉ toàn là đất đá nóng chảy lỏng ở nhiệt độ rất cao, hàng trăm ngàn độ.

• Địa ngục không có các hình phạt như móc mắt, moi tim, xay cưa đốt giã, v. v....

Địa ngục là một cảnh giới hoàn toàn trái ngược với

cảnh Cực Lạc Niết Bàn hay Bồng Lai Tiên cảnh. Cảnh Cực Lạc Niết Bàn thì trong sáng, tốt đẹp, an vui; đối lại cảnh Địa ngục tăm tối, ô trược, đau khổ. Do đó, Đạo Cao Đài gọi chỗ tăm tối, khổ sở ấy là U Minh Địa giới. Cõi U Minh Địa giới gồm 4 quả Địa cầu: Số 69, 70, 71, và 72 trong dãy Thất thập nhị Địa (72) cầu. Đó là 4 Địa cầu trọng trược, tối tăm, lạnh lẽo, buồn thảm vô cùng. Những người gian tà độc ác, phạm nhiều trọng tội trong kiếp sanh, khi chết thì Chơn thần xuất ra bị bao phủ bởi một chất khí ô trược nặng nề, không thể bay lên được, mà bị kéo rơi xuống vào một trong bốn quả Địa cầu của U Minh Địa theo luật hấp dẫn đồng khí tương cầu. Địa cầu của nhơn loại chúng ta đang ở là Địa cầu số 68*.

Thánh giáo của Đức Chí Tôn dạy: "*Nếu các con cho Địa ngục là ở dưới đất thì lầm lắm! Trong trung tim trái đất chỉ toàn là lửa. Vã trong vũ trụ nầy có biết bao nhiêu là trái địa cầu, những trái thanh thì vượt nổi lên trên mà hưởng lấy khí Dương rất đỗi nhẹ nhàng sáng suốt, còn những trái trọng trược thì lặn chìm xuống dưới bị lấy khí Âm rất đen tối u minh. Vậy, nếu các con, hoặc đã phạm tội với Trời, hoặc mang đại ác với người, thì linh hồn tất phải bị đọa xuống nơi mấy trái địa cầu mà Âm khí nặng nề khốn nạn ấy để chịu buồn rầu, khổ cực, nhức nhối tâm hồn, xốn xang trí não.* ***Đó là Nhân quả, nghiệp chướng, oan gia của các con đã tạo gieo, nó theo các con mà hành phạt lấy các con****, chớ không có cửa xẻ, trừng trị như người ta hiểu lầm, thường gọi là Thập Điện Diêm Vương đâu. Những cõi ấy, linh hồn nào rủi ro bị đọa lạc vào thì càng ngày càng thêm mê muội, tối tăm mãi mãi.* ***Ôi! Khốn khổ biết bao! Thầy khó tả ra những sự đọa đày trải qua của các linh hồn***

phạm tội phải cam chịu trong mấy cõi ấy.»

Địa ngục được đổi tên thành "*cõi Âm quang*", trong Thông Thiên Học gọi là cõi Trung giới (nằm giữa cõi trần và cõi Thượng Thiên). Trong cõi Âm quang chúng ta còn nghe nhắc đến THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG. Đó là do cõi Trung giới có 7 cõi phụ từ trọng trược nhiều đến thanh nhẹ. Chính vong hồn của bà Đoàn Thị Điểm đã ở THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG khoảng 400 năm. Khi Đạo Cao Đài khai mở, vong hồn bà Điểm được Thất Nương hướng dẫn lập công quả bằng cách giáng cơ viết quyển NỮ TRUNG TÙNG PHẬN. Chơn linh Bà đã được siêu thoát về cõi Thiêng liêng hằng sống và ở Diêu Trì Cung lãnh phận sự dạy dỗ phụ nữ phía Bắc Việt-nam

Các Đấng Giáo Chủ của các tôn giáo cũng biết Địa ngục là như thế, nhưng tại sao lại ra kinh sách nói rằng Địa ngục có những hình phạt ghê gớm như xay cưa đốt giã, hình bào lạc, cua kình xé thây, ao huyết phẩn gậy cây đánh đầu? Bởi vì trình độ nhơn sanh lúc đó còn thấp, mô tả ra những điều ghê gớm như thế cốt để người ta kinh sợ, không dám làm ác mà lo làm điều lành.

Trong quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của tôn giáo Cao Đài, có hai bài kinh còn nói đến các cảnh trừng phạt các tội hồn nơi Địa ngục: **Kinh Sám Hối** và **Giới Tâm Kinh**. Kinh Sám Hối do các Đấng Thiêng liêng giáng cơ ban cho Minh Lý Đạo (Tam Tông Miếu) vào năm 1925. Bài Giới Tâm Kinh do các Đấng ban cho Chi Minh Tân. Đây là hai bài kinh mà Hội Thánh vâng lịnh Đức Chí Tôn thỉnh về tạm làm Kinh của Đạo Cao Đài thuở mới Khai Đạo. Chúng ta cần phải lưu ý để phân biệt, kinh nào là kinh chánh gốc của Đạo Cao Đài, và kinh

nào là kinh thỉnh tạm nơi khác.

CHƯƠNG BỐN

VAI TRÒ CỦA THẤT NƯƠNG DIÊU TRÌ CUNG NƠI CÕI ÂM QUANG

Thất Nương là vị nữ Phật, có công đầu trong thời kỳ khai ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ. Bà có bửu pháp là Hoa sen, có nhiệm vụ tiếp dẫn các

chơn hồn lên từng Trời HẠO NHIÊN THIÊN là từng thứ 7 trong Cửu Trùng Thiên, đưa chơn hồn đến Cung Chưởng Pháp và gặp Phổ Hiền Bồ Tát, được Phật Dà Lam dẫn đường đi đến cõi Tây Qui, rồi đứng trên cái bông sen thần (Liên Thần) để bông sen đưa lên cõi Niết Bàn.

KINH ĐỆ THẤT CỬU

Nhẹ phơi phới dồi dào không khí
Hạo Nhiên Thiên đã chí môn quan.
Đẹp xinh cảnh vật đôi ngàn
Hào quang chiếu diệu đôi đàng thăng Thiên.

Cung Chưởng Pháp xây quyền Tạo hóa.
Kiến Chuẩn Đề thạch xá giải thi.
Động Phổ Hiền Thần Tiên hội hiệp...

Thất Nương còn lãnh nhiệm vụ đến cõi Âm Quang để giáo hóa các Nữ hồn tội lỗi, khiến họ thức tỉnh mà cầu nguyện Đức Chí Tôn ân xá tội tình, được đầu kiếp lập công chuộc tội. Trong thời kỳ khởi đầu của Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn Đại khai Ân Xá, nên Đức Chí Tôn ra lịnh đóng cửa Địa ngục, không cho các linh hồn tội lỗi xuống cõi U Minh nữa, mà Đức Chí Tôn giao cho chư Tiên, Phật Diêu Trì Cung dạy Đạo cho các linh hồn nầy. **Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy Đạo cho các nam tội hồn, và Thất Nương DTC dạy Đạo cho các nữ tội hồn**. Khi các tội hồn thức tỉnh, học đạo biết hồi đầu hướng thiện thì được cho tái kiếp nơi cõi trần mà trả quả và tu hành, hầu sớm được trở về cùng Đức Chí Tôn và Phật Mẫu.

Thánh giáo của Đức Chí Tôn nói rằng: **Khi nào Đức Phạm Hộ Pháp thoát xác trở về thiêng liêng, Ngài sẽ vâng lịnh Đức Chí Tôn đi đóng cửa các Địa ngục.**

Đức Phạm Hộ Pháp qui Thiên năm 1959, tức là năm Kỷ Hợi, như vậy, Địa ngục sẽ được đóng cửa vào khoảng thời gian nầy.

TNHT: ***Cứu thế quyết ngưng quyền Địa phủ.***

TIẾT 1. DÙNG CHỮ "ÂM QUANG" THAY "ĐỊA NGỤC".

Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát có lập nguyện tế độ tất cả chúng sanh, cũng như đất chở muôn vật. Ngài hiện thân ở hằng hà sa số thế giới, độ vô số chúng sanh, không một thế giới nào hay một chúng sanh nào ra ngoài tự tâm của Ngài, nên gọi là Tạng (trùm chứa). Ngài phát nguyện rằng: Địa ngục mà còn chúng sanh thì Ngài chẳng thành Phật. Do lời Đại nguyện ấy, Đức Chí Tôn phong Ngài làm U MINH GIÁO CHỦ, độ rỗi các linh hồn tội lỗi bị đọa vào U Minh Địa giới (thường gọi là Địa ngục). Ngài có đầy đủ công đức thành vị Phật cao siêu, nhưng vì Đại nguyện của Ngài chưa hoàn thành, cõi U Minh vẫn còn nhiều chúng sanh bị đọa, nên Ngài vẫn giữ phẩm làm một vị Bồ Tát. Thất Nương DTC giáng cơ nói với Đức Phạm Hộ Pháp (Thất Nương xưng Em) về Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát như sau:

➢ *Ngày 9–4 Giáp-Tuất (1934*

THẤT-NƯƠNG DIÊU-TRÌ-CUNG

... Thưa cùng mấy chị, em xin nhắc-nhở điều nầy: Ngày hội Ngọc-Hư đặng lo phương tiếp Pháp của Tây-Phương Cực-Lạc qua, em đã đặng nghe thấy những lời của Địa-Tạng-Vương Bồ-Tát than thở rằng:

Ngài là Phật, nên khó gần-gũi các hồn Nữ-phái mà

khuyến-giáo cơ giải-thoát mê-đồ. Bởi cớ nơi Âm-Quang, nữ hồn còn bị luyện tội nhiều hơn nam-phái bội phần.

Em lại nghe người ước rằng: Chớ chi có một Đấng Nữ-Tiên dám đảm-đương đến phổ-tế mới mong tận-độ chư vong của Phong-Đô thoát-kiếp. Em mới để dạ lo-lường cả lòng lẫn-ái đến đó; em đã chán thấy nhiều tội tình chẳng trọng hệ, song có hồn chịu sầu-thảm lạ thường. Em đã liệu nhiều phương-thế cho từ đây mấy chơn-hồn có bề dễ tránh khỏi cửa Âm-Quang hãm tội. Em nên nói rõ Âm-Quang là gì trước đã, rồi thì mấy chị mới hiểu đặng.

Âm-Quang là nơi Thần-Linh-Học gọi là nơi Trường-đình của chư hồn giải thể hay nhập thể. Đại-Từ-Phụ đã định nơi ấy cho Phật gọi là "TỊNH-TÂM-XÁ" nghĩa là nơi của chư hồn đến đó đặng tịnh tâm, xét mình coi trong kiếp sanh bao nhiêu phước-tội. Vậy thì nơi ấy là nơi xét mình. ***Chớ chi cả nhơn-sanh biết xét mình trước khi thoát xác, thì tự nhiên tránh khỏi Âm-Quang****. Nói cho cùng nếu trọn kiếp, dầu gây lắm tội-tình, mà phút chót biết ăn-năn tự-hối cầu-khẩn Chí-Tôn độ-rỗi, thì cũng lánh xa khỏi cửa Âm-Quang, lại còn hưởng đặng nhiều ân-huệ của Chí-Tôn, là các chơn-hồn đặng tự-hối hay là đặng giáo-hóa mà hiểu trọn chơn-truyền lập phương tự độ, hay là con cái của các chơn-hồn cầu rỗi. Ôi! Tuy vân,* ***hồng-ân của Đại-Từ-Phụ như thế mà vẫn thấy các chơn-hồn sa-đọa hằng-hà, mỗi ngày xem chẳng ngớt, là tại thiếu kém đức tin và lòng trông cậy nơi Thầy; đó là mấy đạo-hữu tín-đồ bị thất thệ****.*

Em trông thấy bắt đau lòng, phái Nữ lại là phần đông hơn hết.

■ *(TNHT)*

Địa cầu 68 là địa cầu mà nhơn loại chúng ta hiện

nay đang ở, đứng hàng thứ 68 trong dãy Thất thập nhị Địa. Các Địa cầu trong Thất thập nhị Địa được đánh số từ cao xuống thấp, từ thanh nhẹ xuống trọng trược. Địa cầu 68 của chúng ta thuộc loại trọng trược. Nhưng còn 4 Địa cầu phía dưới chúng ta lại còn trọng trược hơn nữa, đó là các Địa cầu số: 69, 70, 71, và 72. Còn các Địa cầu bên trên chúng ta là 67, 66,..., đến số 1 thì càng thanh nhẹ. Hễ càng thanh nhẹ thì trình độ tiến hóa càng cao; càng trọng trược thì trình độ tiến hóa càng thấp.

Đức Chí Tôn có dạy rằng: ***«Đứng bực Đế Vương nơi trái Địa cầu nầy (Địa cầu 68) chưa đặng vào bực chót của Địa cầu 67. Trong Địa cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp dường ấy. Cái quí trọng của mỗi Địa cầu càng tăng thêm hoài cho tới Đệ nhứt cầu (Địa cầu số 1).»***

Nhơn loại trên Địa cầu 68, những người hung dữ gian tà, có Chơn thần trọng trược nặng nề, khi chết, Chơn thần xuất ra bị hấp lực mạnh của 4 Địa cầu bên dưới hấp dẫn đến đó, và chúng ta gọi đó là bị đọa vào U Minh Địa. Còn những người nào lương thiện, đạo đức, tâm hồn trong sáng, thì Chơn thần thanh nhẹ, khi chết, Chơn thần xuất ra bay lên theo lực hấp dẫn của các Địa cầu bên trên, và chúng ta gọi đó là siêu thăng, tức là tiến hóa lên các Địa cầu tốt đẹp hơn, có đời sống thanh cao hơn.

Tóm lại: «**Ai giữ trọn bực phẩm thì Tòa Nghiệt Cảnh tương công chiết tội để vào địa vị cao hơn chốn Địa cầu 68 nầy, ai chẳng trọn trách nhiệm nhơn sanh, phải bị đọa vào nơi U Minh Địa, để trả xong tội tình căn quả cho đến lúc trở về nẻo chánh đường ngay mà phục hồi ngôi cũ, bằng chẳng biết sửa mình, thì luật Thiên điều chồng chập, khổ A Tỳ phải vướng muôn**

muôn đời đời mà đền tội ác." (TNHT)

Vậy, **Cõi đọa** là cõi thấp kém, tối tăm, sầu khổ, để trừng phạt những linh hồn có tội. Người ở cõi trần còn sân si, lầm lỗi, làm nhiều việc thiếu đạo đức thì khi chết, linh hồn bị đọa vào cõi Âm quang để học Đạo cho biết rõ hai lẽ thiện ác mà cải ác tùng lương; sau sẽ tái kiếp nơi cõi trần mà trả quả hay là lập công chuộc tội.

Cõi thănglà cõi trong sáng, hạnh phúc, để ban thưởng những linh hồn mà trong kiếp sanh nơi cõi trần biết tu, lập nhiều công đức, giúp người giúp đời. Đó là cõi của người đắc đạo, Thiên Chúa giáo gọi là Thiên đường, Phật giáo gọi là cõi Cực Lạc, Đạo Cao Đài gọi là cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

KCHKHH[1]: ***Xét câu Minh Thệ gởi mình cõi thăng.***

➢ *Toà Thánh, tháng 10– Nhâm Thân (dl tháng 11–1932)*

BÁT NƯƠNG DIÊU TRÌ CUNG

Giải thích về Âm quang như sau:

"Âm quang là khí chất hỗn độn sơ khai khi Chí Tôn chưa tạo hóa. Lằn Âm khí ấy là Diêu Trì Cung chứa để tinh vi vạn vật, tỷ như cái Âm quang của phụ nữ có trứng cho loài người. Khi Chí Tôn đem Dương quang ấm áp mà làm cho hóa sanh, thì ***cái khoảnh Âm quang phải thối trầm làm tinh đẩu, là cơ quan sanh hóa vạn linh****. Song lằn Âm quang ấy có giới hạn, nghĩa là nơi nào ánh linh quang của Chí Tôn chưa chiếu giám đến thì phải còn tối tăm mịt mờ, chẳng sanh chẳng hóa.*

[1] KCHKHH = Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối

Vậy thì ***nơi khiếm ánh thiêng liêng là Âm quang, nghĩa là Âm cảnh hay là Địa ngục, Diêm đình*** *của chư Thánh lúc xưa đặt hiệu. Vậy thì chính lời nhiều Tôn giáo, nơi ấy là những chốn phạt tù những hồn vô căn vô kiếp, nhơn quả buộc ràng, luân hồi chuyển thế, nên gọi là Âm quang, đặng sửa chữ Phong Đô Địa phủ của mê tín gieo truyền, chớ kỳ thật là nơi để cho các Chơn hồn Giải thân định trí (một nơi trung gian giữa Thiên đường và Địa ngục hay là mờ mờ mịt mịt).*

Ấy là một cái quan ải, các Chơn hồn khi qui Thiên, phải đi ngang qua đó. Sự khó khăn bước khỏi qua đó là đệ nhứt sợ của các Chơn hồn. Nhưng tâm tu còn lại chút nào nơi xác thịt con người, cũng nhờ cái sợ ấy mà lo tu niệm.

Có nhiều hồn chưa qua khỏi đặng, phải chịu ít nữa đôi trăm năm, tùy Chơn thần thanh trược. Chí Tôn buộc trường trai cũng vì cái quan ải ấy.

Em nói thiệt rằng, mấy anh hiểu thấu, thì kinh khủng chẳng cùng. Nếu để cho Chơn thần ô trược thì khó mong trở lại cõi thiêng liêng và về cùng Thầy đặng. Em biết đặng ***nhiều hồn còn ở lại nơi ấy trót ngàn năm chưa thoát qua cho đặng****. Thất Nương ở đó đặng dạy dỗ, nâng đỡ các Chơn hồn, dầu sa đọa luân hồi cũng có người giúp đỡ...”*

TIẾT 2. SỰ KHÁC BIỆT GIỮA CẢNH THĂNG & CẢNH ĐỌA

➢ *Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh.*
Đêm 8 tháng 3 năm Kỷ-Sửu (05–04–1949)

... Hại thay! Cảnh thăng vẫn khác, cảnh đọa vẫn khác nếu Bần-Đạo tỏa ra, dầu một người nào vững tâm thế nào đi nữa cũng phải kinh khủng sợ sệt. Cảnh hạnh-phúc mà

chúng ta đoạt được với Tông-Đường Thiêng-Liêng của chúng ta, họ đương sum họp với nhau không sót một người, đặng chứng-kiến định-án của chúng ta. Nếu chúng ta đoạt-vị đặng thì con đường dục- tấn của chúng ta, cả hạnh-phúc đạo-đức cả tinh-thần cảnh thăng của chúng ta có nhiều tay nâng đỡ. Rủi thay, nếu chúng ta bị tội tình phải đọa thì cảnh vinh hiển ấy từ từ xa, xa lần chúng ta đứng một chỗ cảnh tượng vinh-hiển ấy, cảnh tượng hạnh-phúc ấy, nó dường như thối bước lần lần xa mút chúng ta, chúng ta hết thấy nó, cảnh đi ngược lụng lại, cảnh chạy ta chớ chẳng phải ta chạy cảnh.

Hạnh-phúc ta sợ ta, chạy ta, lánh ta, rồi thoạt nhiên trong con đường dục-tấn của chúng ta đi biết bao nhiêu khó khăn.

Thường trong miệng thiên-hạ có nói Thiên-Đàng, Địa-Ngục, tức nhiên Ngọc-Hư-Cung với Thập-Điện Diêm-Vương cũng không có gần nhau, mà gần nhau mới lạ lùng.

Nếu chúng ta làm điều gì trọng-hệ, nói tỷ-thí như chúng oán giận giết người thì đó liền có kẻ đó đứng trước mặt chúng ta tỏ vẻ sầu thảm, thiên-hạ tưởng đâu kẻ đó oán giận giết lại mình. Không! Không khi nào vậy, kẻ ấy buồn thảm cho ta một cách đau-đớn. Vừa ngó thấy kẻ đó rồi linh-hồn chúng ta tức nhiên là đệ-nhị xác thân của chúng ta tùy theo cái tội của nó mà đi lần xuống cảnh Diêm-Cung.

Trong cảnh tội tình của chúng ta đã quyết định, liền giờ ấy người tội nhơn ấy đứng nơi cửa Diêm-Cung Địa-Ngục đó vậy, rồi tự mình kết án cho mình. Thảm thay! Những kẻ nào không biết thương yêu nhau, những kẻ thiếu tình ái thương yêu nhau, những kẻ đó không được lời nào của một chơn-hồn nào an-ủi, chỉ xung quanh mình nghe tiếng than, tiếng trách móc, không biết thời gian nào định tội cho

mình, hay tội tình mình mình định cho mình, vì cớ tức mình không biết chừng nào án ấy đã hết, khổ não chăng là điều ấy.

Thỉnh-thoảng rồi Bần-Đạo sẽ tỏ. Bởi vì Bần-Đạo chưa đặng phép đi xuống Địa-Ngục Diêm-Cung, ***Đức Chí-Tôn có hứa, ngày giờ nào Bần-Đạo thoát xác, trước khi về cảnh Thiêng-Liêng Hằng-Sống thì Bần-Đạo sẽ được phép đi, đi ngang qua đó đặng giải-thoát cho các chơn-hồn oan khúc tội tình đặng siêu-thăng họ.***

Bần-Đạo đã được Đức Chí-Tôn và các Đấng Thiêng-Liêng giải-nghĩa cho biết nơi cảnh ấy thế nào, đặng con đường ấy một ngày kia Bần-Đạo đi không có lạ, không có nhát. Ngày giờ nào nếu chúng ta được hạnh-phúc, đoạt cơ giải-thoát thì gia-tộc Thiêng-Liêng chúng ta mừng rỡ biết bao nhiêu. Trên chín phẩm Thần-Tiên Chư Phật dĩ chí cho tới Tam-Thế họ sẽ hạnh-phúc vui-vẻ không biết làm sao tỏa cho cùng, vui-vẻ vinh-hiển không có mực nào, miệng lưỡi nào tỏa ra cho hết. Hễ khi chúng ta đoạt-vị dầu cho một cấp hay là thấp hơn một cấp đều thấy khác nhau xa, Bần-Đạo có tỏa người ta như con chim, mình là con cá không thế gì so sánh được như một trời với một biển vậy. Chúng ta thắng một phẩm, ối thôi lễ tiếp rước ta không thể gì tỏa được cái vinh-hiển ấy, có liên-hệ với Tông-Đường Thiêng-Liêng của chúng ta kia. Họ sẽ làm cho chúng ta một hạnh-phúc vô đối, bởi vì ***cả thảy trong Tông-Đường đều được nhấc lên một bực hết thảy, vinh-hiển không biết bao nhiêu.***

Ngọc-Hư là cảnh mà Đức Chí-Tôn có nói là đại-nghiệp của mỗi đứa Đức Chí-Tôn đã dành để nơi Cực-Lạc Thế-Giái, khi định-vị được nơi Ngọc-Hư-Cung Linh-Tiêu-Điện rồi, cả gia-tộc Thiêng-Liêng của chúng ta rước chúng ta về đại-nghiệp mà Đức Chí-Tôn đã đào tạo cho ta ở Ngọc-Hư-

Cung, Bần-Đạo không có miệng lưỡi nào tỏa, chỉ cả thảy đều tưởng tượng lễ tiếp rước đem chúng ta về Tổng-Đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống đó, sẽ làm cho chúng ta vinh-hiển như thế nào duy tưởng-tượng thì biết.

Ở Cực-Lạc Thế-Giái tùy phẩm-vị của mình đoạt được nơi con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống, cái mức đó không cùng. ***Chúng ta cần phải đi, đi cho đến ngày giờ nào chúng ta có thể ngồi trên Huỳnh-Kim-Khuyết của Đức Chí-Tôn là ngày chúng ta đoạt được mục đích đó vậy;*** *mà còn xa lắm, cho nên về đại-nghiệp của Đức Chí-Tôn chúng ta được hưởng hạnh-phúc tùy theo phẩm-vị của ta đoạt được nơi kiếp sanh. Phẩm-vị của mình đoạt được cao thấp, trọng hệ hưởng được cùng chăng? Ở yên cùng chăng? Vui hưởng nơi đó gọi là Cực-Lạc Thế-Giới, vui vô cùng tận, cái hạnh-phúc không thể gì tỏa được, hạnh-phúc không cùng. Ở hưởng tại đó một ngàn hai trăm năm (1.200), hay là hai ngàn bốn trăm năm (2.400), hay là ba ngàn sáu trăm năm (3.600), hay là ba mươi sáu ngàn năm (36.000), rồi lại còn tái kiếp lụng lại đặng dục-tấn trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống của mình nữa...*

TIẾT 3. KHÁI NIỆM VỀ ĐỊA NGỤC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN BÀI KINH SÁM HỐI

Khi mới khai Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn dạy Phật giáo và 5 Chi Minh Đạo dâng Kinh cho ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ. Do đó, Hội Thánh cử phái đoàn gồm Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung, Thượng Giáo Sư Vương quan Kỳ, Đức Phạm Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm đến Minh Lý Đạo thỉnh bài Kinh nầy về làm Kinh ĐĐTKPĐ. Lúc đó Kinh Sám Hối được gọi là Kinh

NHƠN QUẢ.

Kinh Sám Hối gồm 444 câu thơ song thất lục bát, là một áng văn chương tuyệt tác, do nhiều Đấng Thiêng liêng trong Tam Giáo giáng cho, đặc biệt là có sự tham dự của Thập Điện Diêm Vương. Nhờ bài Kinh Sám Hối nầy, nhơn sanh biết được trong **thời Nhất và Nhị Kỳ Phổ Độ**, những người hung ác nơi cõi trần, khi chết, linh hồn và Chơn thần bị Quỉ sứ bắt giam vào Địa ngục, chịu những hình phạt vô cùng đau đớn, khổ sở để đền bù tội lỗi. Đến khi Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là kỳ Phổ Độ chót để tận độ chúng sanh trước khi Chuyển Thế, mở Đại Hội Long Hoa, chấm dứt một chu kỳ tiến hóa của nhơn loại, chuyển qua thời kỳ Thánh đức, Đức Chí Tôn đại khai Ân xá cho các đẳng linh hồn, đóng cửa Địa Ngục, giải phóng các tội hồn, cho đi đầu thai trả quả.

Khi giảng về cõi Âm quang, Đức Bát Nương Diêu Trì Cung đã sáng tạo ra một từ ngữ mới gọi là Cõi Âm Quang để thay thế những quan niệm xưa về Địa ngục, Âm phủ, Phong đô.... Chúng ta cần chú ý điểm nầy. Bà giảng dạy rằng **khi con người thoát xác, chơn hồn phải đi qua một cửa ải đệ nhứt sợ, đó là chỗ để xét mình coi trong kiếp sanh bao nhiêu phước tội**. Cõi đó đối với người làm nhiều tội lỗi là cõi tối tăm khiếm khuyết ánh sáng Thiêng Liêng, một nơi để giải thần định trí.

Giải thần: tức nhiên là giải tán tà thần tức là những tư tưởng tà vạy của mình, tồn đọng trong ký ức của Chơn thần.

Định trí: là gom tư tưởng của mình lại để xét một vấn đề gì đó đừng cho phóng tâm hoặc là để không không chẳng nghĩ gì cả.

Bà còn dạy rằng: "*Chớ chi nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi Âm Quang.*" Nghĩa là Cõi Âm Quang nầy sẽ hiện ra khi nào chúng ta sống không biết xét mình. Còn nếu chúng ta lúc sống biết xét mình tức nhiên là biết tránh điều tội lỗi thì Cõi Âm Quang sẽ không hiện ra. Nói cách khác cõi địa ngục không có đối với người không tội lỗi. Vì vậy vấn đề **địa ngục có hay không sau khi chết là do chính mình tạo ra lúc còn sanh tiền**. Hiền thì thăng, dữ thì đọa là lẽ tự nhiên.

Vậy, Âm quang là chỗ phạt tù những linh hồn hung ác mà cũng là một trạng thái sống với những dày vò, đau khổ bởi quả kiếp xấu mà mình đã gây ra trong khi còn sống. Còn nếu như mình biết thức tỉnh lo tu hành giải thoát thì tự nhiên trạng thái sống sau khi chết, vẫn tiếp tục thong dong gọi là nhẹ nhàng siêu thoát, đó là con đường dành cho những người sống biết tu hành, tu đúng pháp và thành công. Cho nên trong kinh điển Cao Đài mô tả cả hai điều:

- Cảnh đọa đày nơi địa ngục nay gọi là Cõi Âm Quang là có thật.
- Và một điều nữa là khi mở Đạo, Đức Chí Tôn đã ân xá tội lỗi cho chúng sanh.

Trong PHẬT MẪU CHƠN KINH, có câu:

Vô siêu đọa quả căn hữu pháp,
Vô khổ hình nhơn kiếp lưu oan.
Vô Địa ngục, vô Quỉ quan,
Chí Tôn đại xá nhứt tràng qui nguyên.

Trong bài kinh Thuyết Pháp, câu chót là "***Khai cơ giải thoát mở tù Phong đô***".

Thuyết pháp nghĩa là giảng Đạo, giảng về chân lý cho người ta hiểu được lẽ thật của cuộc đời mà lo tu hành. **Dùng lời nói để thức tỉnh chúng sanh có nghĩa là mở tù Phong đô cho họ**. Tới đây chúng ta thấy khá rõ kinh điển trong Cao Đài nói về cõi địa ngục không có gì là mâu thuẫn cả, nếu chúng ta hiểu được lý sâu của Đạo. Còn nếu như căn cứ vào từ ngữ chỗ nầy nói đóng địa ngục mở tầng thiên, chỗ kia mô tả cảnh địa ngục thế nầy, thế nầy... chúng ta sẽ thấy dường như có mâu thuẫn với nhau...

Vậy thì **do nơi tâm lý sống của tâm linh mình mở ra ở loại nào mình sẽ giao cảm với loại sinh hoạt của tâm linh đó**. Mình hành thiện, tức nhiên mình sống với cõi tâm linh Thần Thánh, mình mở ra cõi giới giao cảm đó từ khi còn trong xác phàm nầy, tức nhiên sau khi chết Chơn thần mình vẫn tiếp nối con đường đó thôi. Nếu mình hành ác, mình đã mở ra cõi giới tâm linh của ma quỷ thì sau khi thoát xác, Chơn thần sẽ tiếp tục sống trong dày vò đau khổ gọi là đọa đày, đại khái là như vậy. Vì vậy cõi địa ngục vẫn có thường xuyên trong cõi không gian nầy. Cánh cửa mở để người ta đi vào cảnh giới đó là do không gian tâm lý mà trong buổi sanh tiền mình đã sống theo sinh hoạt loại nào. Vì vậy, **chúng ta phải ý thức rằng quan niệm về địa ngục là một nơi chốn mà cũng có nghĩa là một trạng thái của Chơn thần.**

Ảo hay thật? Còn nói về cảnh sinh hoạt trong kinh Sám Hối mô tả rất là ghê rợn để hành tội Chơn thần con người ở cõi địa ngục, có thật hay không. Xin thưa. Đó là những ảo giác, ảo tưởng, hồi niệm mà Chơn thần con người tiếp tục sinh hoạt sau khi rời khỏi thân xác, nó chịu ảnh hưởng của nền văn hóa mà mình sống đã hấp

thụ được. Những cảnh mô tả trong kinh Sám Hối là loại **ảo tưởng, ảo giác mà một số linh hồn đã trãi qua thật**. Tất cả những hình ảnh ghê rợn khác nhau đó, đều có chung ý nghĩa là diễn tả cảm giác đau đớn mà con người phải chịu khi sống trong cảnh địa ngục như là kết quả tất nhiên của một khoảng thời gian dài, mang xác phàm đã làm nhiều điều ác cho người khác, giờ đây phải gánh chịu sự đau đớn diễn tả bằng những hình ảnh đầy dẫy trong kinh Sám Hối, mình thấy như là mê tín dị đoan. Không phải mọi người đều bắt gặp hình ảnh như thế trong Chơn thần đâu...

Còn một loại nữa là những hình ảnh, âm thanh, cảm giác mà Chơn thần y phóng ra một cách hỗn loạn chưa từng gặp trước đó nhưng cứ diễn đi diễn lại hoài. Những hình ảnh đọa đày nầy sẽ tan biến mất khi Chơn thần định trí được.

Đức Bát Nương đã nói: *«Cõi Âm Quang là nơi giải thần định trí"*. Định trí được thì những ma ảnh tan biến hết tức nhiên mình qua được một trạng thái sống tâm lý, vượt khỏi cõi lộn xộn đó nghĩa là thăng tiến lên được một bước trên đường tấn hóa.

Vì vậy, khi mới mở Đạo được vài năm, có một số nhà trí thức ở miền Bắc chuyển lời đề nghị của họ, yêu cầu Tòa Thánh cắt bỏ bài kinh Sám Hối, bởi vì nó đầy dẫy mê tín dị đoan trong đó. Hội Thánh không đồng ý xóa bỏ, dù vẫn biết rằng nó là những ảo tưởng, ảo giác, nhưng tình trạng đó sẽ diễn ra thật trong Chơn thần của một số người và nó sẽ không có đối với người khác...

■ *(Theo "**Luận Đạo**" của Nguyễn Long Thành)*

KẾT LUẬN

Chết rồi, con người đi về đâu? Chết, có phải là chấm hết không?

Qua nhiều bài giảng của các Đấng Thiêng liêng trong các tôn giáo khác nhau, các Đấng đều dạy: **Chết là bước vào một đời sống khác.** Tùy vào tư tưởng, hành động của chúng ta khi sống mà hồn chúng ta sẽ tiến vào cõi thăng hay sa vào cõi đọa. Tín đồ Cao Đài giữ 10 ngày chay, hành Đạo đúng theo Tân luật, Pháp Chánh Truyền sau khi dứt hơi sẽ nương theo phướn của Lục nương DTC dẫn dắt mà theo về cõi sáng. Nếu ăn chay không đủ nhưng không phạm luật Đạo sẽ ở cõi Âm quang một thời gian để giải trừ trược khí và định trí để học Đạo thêm, chờ ngày thăng lên cõi sáng. Đối với người vô thần, không có đức tin nơi Trời, Phật nhưng không làm gì ác thì đó sẽ là giấc ngủ triền miên trong tăm tối cho đến khi hồn họ thức tỉnh. Còn những kẻ gian tà, thất thệ, Đức Chí Tôn dạy như sau:

"*Than ôi! Đường Thánh ít kẻ tìm, mà nẻo tà nhiều người đến. Trò đời lăng xăng, cõi thế biết bao người chìm đắm vào biển khổ, mang nặng xác phàm, miếng đỉnh chung, mồi danh lợi, giành giựt phân chia, mà chẳng kể đạo lý, luân thường khiến cho mối đạo quí báu ngàn năm, đã thành nấc thang để dắt người xuống hang sâu vực thẳm.*

Nhơn loại dùng thế lực mà cấu xé nhau, giành giựt nhau, quên lửng cõi trần này, nhơn sanh lãnh mỗi đứa một

vai tuồng đặc biệt mà trả cho xong căn xưa quả cũ".

Những người nào chế ngự được dục vọng thấp hèn, làm chủ được đòi hỏi thể xác, thì lục dục, thất tình không thể hành hạ khi ta chết. Luật thiên nhiên định rằng khi về già thể xác yếu dần, đau ốm, khiến cho ta bớt đi các ham muốn và nhờ thế, dục vọng cũng giảm bớt rất nhiều nên thể vía cũng thanh lọc bớt các chất nặng nề, ô trược để khi chết, sẽ thức tỉnh ở cảnh giới cao thượng hơn. Trái lại, những người còn trẻ, lòng ham muốn còn mạnh mẽ, nếu chết bất đắc kỳ tử thường đau khổ rất nhiều và phải lưu lại cõi Trung giới lâu hơn. Nếu hiểu biết như thế, ta cần phải duyệt xét lại đời sống của mình ở cõi trần để khỏi lưu lại lâu dài ở cảnh giới thấp, tâm tối ở cõi âm. Những người lớn tuổi cần giữ chay lạt cho thể xác thanh nhẹ, di chúc tài sản, dứt bỏ các ràng buộc, lo lắng tranh chấp, giận hờn... Tóm lại, là dứt bỏ mọi phiền não để mau chóng siêu thoát, không còn quyến luyến gì ở cõi thế gian.

Ai đã học được cách sống và thức-tỉnh, viên-mãn trong ba cảnh giới, ai đã xét đoán được những mối tương-quan giữa cõi hữu hình và vô hình, biết lựa chọn giữa những việc quan trọng và những việc không quan trọng, phù phiếm vô giá-trị, thì người đó đã phân-biệt được sự chân với sự giả rồi vậy.

Khi cửa tử vong mở ra – cánh cửa này dắt chúng ta đến một cõi lạ đầy bí-mật, ta có thể bình tĩnh bước qua cửa tử một cách dạn dĩ, một cách can đảm không bao giờ nao núng. Đó không phải là miền kinh-khủng, mà là một miền đầy hứa hẹn.

Ky tô giáo có dạy: ***"Các ngươi không biết thân-thể***

các ngươi là đền thờ đức Chúa Trời, và tinh-thần Ngài đang ngự trong thân thể các ngươi sao?"

Vậy, **khi sự tranh chấp nổi lên nơi bản thân, khi Chơn Ngã cao cả và bản ngã thấp hèn chiến đấu nhau, xin các bạn hãy nhớ tương lai của các bạn tùy thuộc vào sự lựa chọn nầy. Mỗi bước nhượng bộ cho bản ngã thấp hèn sẽ là một cái khoen sắt nối thêm vào, một sức nặng trì xuống ngăn cản không cho Chơn thần chúng ta bay lên cao hội hiệp cùng Đại Từ-phụ, Đại Từ-mẫu mà phải sa vào cõi tâm tối, nghìn trùng xa cách**. Không phải hai Ngài không thương chúng ta nhưng đó là qui luật công bình của Thiên điều. Vì quá thương nhân loại, Thượng Đế đã cho các Đấng Thiêng liêng giáng trần lập nhiều nền tôn giáo ở nhiều nơi trên thế giới. Các tôn giáo tuy khác nhau về hình thức nhưng tựu trung vẫn dạy LÀM LÀNH, LÁNH DỮ. Nhưng nhân loại dữ nhiều, hiền ít. Từ chuyện trong cửa đạo như dùng búa đập lấy tro cốt của Thất nương, chưa biết đem đi đâu về đâu... cho đến chuyện chính quyền ở Syria dùng bom hóa học để giết dân lành và trẻ em thì chúng ta biết con người hung ác, bất nhân, bất nghĩa dường nào! Từ trên cao, không biết các Đấng có phải kêu lên: bó tay, bó tay... xóa sổ cho rồi, không còn dạy dỗ gì được nữa!

Xin thưa cùng các Đấng, tuy ít nhưng người Hiền vẫn còn ở khắp nơi. Nếu phải xóa sổ để lập đời mới, xin cho chúng con, những tín đồ trung kiên, được về với Đại Từ-phụ, Đại Từ-mẫu nơi cõi Thiêng- liêng Hằng-sống.

CẦU XIN VẠN VẬT ĐƯỢC THÁI BÌNH

PHỤ LỤC:
TRÍCH ĐOẠN KINH SÁM HỐI

Cuộc danh lợi là phần thưởng quí,
Đấng Hóa Công xét kỹ ban ơn.
Lòng đừng so thiệt tính hơn,
Ngày đêm than thở dạ hờn ích chi.

Người sang cả là vì duyên trước,
Kẻ không phần luống ước cầu may.
Sang giàu chẳng khác như mây,
Khi tan khi hiệp đổi xây không thường.

Việc sanh tử như dường chớp nháng,
Bóng quang âm ngày tháng dập dồn.
Giữ cho trong sạch linh hồn,
Rèn lòng sửa nết đức tồn hậu lai.

Điều họa phước không hay tìm tới,
Tại mình dời nên mới theo mình.
Cũng như bóng nọ tùy hình,
Dữ lành hai lẽ công bình thưởng răn.

Khi vận thới lung lăng chẳng kể,
Lúc suy vi bày lễ khẩn cầu.
Sao bằng ở phải buổi đầu,
Thần minh chánh trực có đâu tư vì.

Người làm phước có khi mắc nạn,
Kẻ lăng loàn đặng mạng giàu sang.
Ấy là nợ trước còn mang,
Duyên kia chưa dứt còn đang thưởng đền.

Nếu vội trách người trên thì đọa,
Cũng có khi tai họa trả liền
Đó là báo ứng nhãn tiền,
Mau thì mình chịu lâu truyền cháu con.

Lo danh vọng hao mòn thân thể,
Ham làm giàu của để bằng non.
Một mai nhắm mắt đâu còn,
Đem vàng chuộc mạng đổi lòn đặng chăng.

Trên đầu có bủa giăng Thần, Thánh,
Xét xem người tánh hạnh dữ hiền.
Làm lành đặng hưởng phước duyên,
Trong lòng nham hiểm lộc quyền giảm thâu.

Đừng tính kế độc sâu trong dạ,
Mà gổ ganh oán chạ thù vơ.
Trái oan nào khác mối tơ,
Rối rồi không gỡ, bao giờ cho ra.

Thấy hình khổ dạ ta đâu nỡ,
Khuyên làm lành trừ đỡ tội căn.
Quấy rồi phải biết ăn năn,
Ở cho nhân hậu chế răn lòng tà.

Hãy có dạ kỉnh già thương khó,
Chớ đem lòng lấp ngõ tài hiền.
Xót thương đến kẻ tật nguyền,
Đỡ nâng yếu thế binh quyền mồ côi.

Làm con phải trau dồi hiếu đạo,
Trước là lo trả thảo mẹ cha.
Lòng thành thương tưởng ông bà,
Nước nguồn cây cội mới là tu mi.

Phận làm tớ thật thà trung tín,
Với chủ nhà trọn kính trọn ngay.
Áo cơm no ấm hằng ngày,
Của người châu cấp ơn dày nghĩa sâu.

Đừng gặp việc câu mâu biếng nhác,
Mà quên lời phú thác dặn dò.
Trước người giả bộ siêng lo,
Sau lưng gian trá so đo tấc lòng.

Phải chừa thói loài ong tay áo,
Bớt học đòi khỉ dạo dòm nhà.
Gìn lòng ngay thẳng thật thà,
Nói năng minh chánh lời ra phải nhìn...

Làm người phải kỉnh thờ Thần, Thánh.
Giữ lời nguyền tâm tánh tưởng tin,
Hễ là niệm Phật tụng kinh
Rèn lòng sửa nết khá in như nguyền.

Chừa thói xấu đảo điên trong dạ
Muôn việc chi chẳng khá sai lời
Dối người nào khác dối Trời,
Trời đâu dám dối ra đời ngỗ ngang.

Giàu sang ấy Ơn Trên giúp sức.
Phước ấm no túc thực túc y.
Thấy người gặp lúc tai nguy,
Ra tay tế độ ấy thì lòng nhơn.

Thương đồng loại cũng hơn thí bạc,
Thấy trên đường miểng bát, miểng chai,
Hoặc là đinh nhọn, chông gai,
Mau tay lượm lấy đoái hoài kẻ sau.

Ấy làm phước khỏi hao khỏi tốn
Chẳng có đâu mòn vốn thâm tiền
Bắc cầu đắp sửa đường liền,
Kẻ qua người lại bước yên gọn gàng.

Thi ân hậu bạc ngàn khó sánh,
Rán tập thành sửa tánh từ hòa.
Việc lành chẳng khá bỏ qua,
Tuy là nhỏ nhít cũng là công phu.

Năng làm phải, nhựt nhu ngoạt nhiễm,
Lâu ngày dồn tính đếm có dư.
Phước nhiều tội quá tiêu trừ,
Phép Trời thưởng phạt không tư chẳng vì.

Thấy lỗi mọn chớ nghi chẳng hại,
Thường dạn làm tội lại hằng hà.
Vì chưng tựu thiểu thành đa,
Họa tai báo ứng chẳng qua mảy hào.

Giữa bụi thế giữ sao khỏi vấy
Biết ăn năn xét lấy sửa lòng.
Làm người nhơn nghĩa xử xong
Rủi cho gặp lúc long đong chẳng sờn.

Giàu sang ấy Ơn Trên giúp sức.
Phước ấm no túc thực túc y.
Thấy người gặp lúc tai nguy,
Ra tay tế độ ấy thì lòng nhơn.

Lòng Trời Đất thương đều muôn vật,
Đức háo sanh Tiên, Phật một màu.
Thượng cầm hạ thú lao xao,
Côn trùng thảo mộc loài nào chẳng linh.

Nó cũng muốn như mình đặng sống,
Nỡ lòng nào tuyệt giống dứt nòi.
Bển công kinh sách xem coi,
Vô can sát mạng thiệt thòi rất oan.

Lại có kẻ hung hoang ác nghiệt,
Cướp giựt rồi chém giết mạng người
Đoàn năm, lũ bảy dạo chơi,
Hiếp người lương thiện, phá đời hại dân.

Tua khá tưởng thương lần nòi giống
Hãy xét vì mạng sống khó cầu.
Cũng đừng bài bạc lận nhau,
Rủ ren rù quến, lấy xâu ăn đầu.

Phải hiểu biết máy sâu họa kín,
Thánh, Thần đâu tư lịnh bỏ qua.
Thường ngày tuần khắp xét tra,
Phạt người hung ác đọa sa A Tỳ.

Sống dương thế hành thì căn bịnh,
Xui tai nàn dấp dính theo mình.
Ăn năn khử ám hồi minh,
Từ bi Trời Phật rộng tình xét cho.

Muốn tránh đặng khỏi nơi tội quá,
Lánh kẻ tà chẳng khá nên gần.
Thí tiền, thí bạc, chẩn bần,
Người đau thí thuốc, Thánh, Thần phước ban.

Người phú túc vun nền âm đức,
Lấy lòng nhơn giúp sức trợ nghèo.
Chớ sanh chước hiểm hẹp eo
Lời tăng quá vốn kẻ nghèo xiết than.

Làm mặt phải bạc ngàn cúng Phật,
Ép kẻ nghèo cố đất cầm vườn.
Phật Trời nhơn vật đồng thương,
Có đâu hưởng của bất lương mà mời.

Miền Âm cảnh nhiều thay hình lạ,
Cõi dương trần tội quá dẫy đầy.
Thánh hiền kinh sách dạy bày,
Lòng người ám muội lỗi gây ra hoài.

Kẻ lỗ mãng chê bai khinh dể,
Rằng thác rồi còn kể ra chi.
Nhãn tiền trả quả tức thì,
Tội dư con cháu một khi đền bồi.

Chớ quấy tưởng luân hồi phi lý,
Mà hung hăng chẳng nghĩ chẳng suy.
hi hài như gỗ biết gì,
Linh hồn là chủ thông tri việc đời.

Người ở thế mấy ai khỏi lỗi,
Biết lạc lầm sám hối tội căn.
Tu tâm sửa tánh ăn năn,
Ba giềng nắm chặt, năm hằng chớ lơi.

Ngặt có kẻ tưởng Trời tin Phật,
Mà trong lòng chẳng thật kính thành.
Lâm nguy nguyện vái làm lành,
Tai qua rồi lại dạ đành phụ vong.

Chớ thái quá đừng lòng bất cập,
Phép tu hành luyện tập nhiều ngày.
Làm lành, xem phải, nói ngay,
Giữ ba điều ấy thiệt rày phước duyên.

Lời kệ sám di truyền khuyến thiện,
Câu văn từ luận biện thật thà.
Chẳng dùng những tiếng sâu xa,
E không hiểu thấu, diễn ra ích gì?
Chớ buông tiếng thị phi khinh để,
Rán làm lành phước để cháu con.
Làm người nhơn nghĩa giữ tròn,
Muôn năm bóng khuất tiếng còn bay xa.

ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT
TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI

Tùng Thiên – Từ Bạch Hạc